

No. 1593

## LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA Quyển thượng

*Vô Trước Bồ-tát tạo luận  
Chân Đế Tam tạng dịch  
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm thứ nhất : Các tên trong Y chỉ thắng tướng

Luận Nhiếp Đại Thừa là giáo nghĩa của A-tì-đạt-ma và kinh Đại thừa.

Đối trước Phật Thế Tôn, các Bồ-tát Ma-ha-tát đã thâm nhập nghĩa lý Đại thừa muốn làm rõ công đức thù thắng của Đại thừa, y vào Đại thừa giáo nói như thế này : Chư Phật Thế Tôn có 10 thắng tướng, những điều nói ra hơn các giáo khác, không thể so sánh.

Mười thắng tướng là : 1. Biết y chỉ thắng tướng. 2. Biết thắng tướng. 3. Biết nhập thắng tướng. 4. Nhập nhân quả thắng tướng. 5. Nhập nhân quả tu sai biệt thắng tướng. 6. Y giới học thắng tướng tu các sai biệt. 7. Trong đó y tâm học thắng tướng. 8. Trong đó y tuệ học thắng tướng.

9. Học quả tịch diệt thắng tướng. 10. Trí sai biệt thắng tướng.

Do 10 nghĩa thắng tướng này, những điều Như Lai nói siêu quá hơn các giáo khác. Như đây giải thích văn kinh cho thấy rõ Đại thừa là thật Phật nói. Lại nữa, làm sao trong đây giải thích sơ lược có thể thấy Đại thừa hơn các giáo khác ? Nay đây sơ lược giải thích rõ 10 nghĩa này chỉ có trong Đại thừa và không có trong Tiểu thừa.

Những gì là 10 ?

Nghĩa là phải biết thức A-lê-da là tướng y chỉ. Thức A-lê-da có 3 tự tính : một là tính dựa vào cái khác, hai là tính phân biệt, ba là tính chân thật. Nói phải biết tướng, nghĩa là giáo nghĩa Duy thức nói phải biết nhập vào tướng. Sáu Ba-la-mật là nói nhập vào tướng nhân quả. Mười địa Bồ-tát là nói nhập vào tướng nhân quả tu sai biệt. Bồ-tát gìn giữ cấm giới là nói về tướng giới học tu sai biệt. Thủ-lăng-già-ma các định Hư không tạng v.v... là nói tướng tâm học. Trí vô phân biệt là nói tướng tuệ học. Vô trụ xứ Niết-bàn là nói tướng học quả tịch diệt. Ba thứ Phật thân là tự tính thân, ứng thân và hóa thân. Ba thân này là nói tướng trí

quả vô phân biệt. Mười chỗ này chỉ có trong Đại thừa. Vì khác với Tiểu thừa nên nói là đệ nhất.

Phật Thế Tôn chỉ nói 10 nghĩa này cho Bồ-tát. Y vào Đại thừa, chư Phật Thế Tôn có 10 tướng tương. Nói không thể sánh là có thể hiển thị Đại thừa. Là Như Lai nói một cách chính xác để ngăn chặn rằng Tiểu thừa quyết không phải là Đại thừa. Trong Tiểu thừa chưa từng giải thích một nghĩa nào trong 10 nghĩa này. Chỉ có trong Đại thừa giải thích. Lại nữa 10 nghĩa này có thể dẫn xuất vô thượng Bồ-đề, thành tựu tùy thuận không trái nhau, vì các Bồ-tát được trí nhất thiết trí. Kệ nói :

*Phải biết y và tướng,  
Nhập nhân quả tu khác.  
Ba học và quả diệt,  
Trí nhiếp vô thượng thừa.  
Mười nghĩa, chỗ khác không,  
Đây là nhân Bồ-đề.  
Nên Đại thừa Phật nói,  
Là nói mười tướng nghĩa.*

Vì sao 10 tướng nghĩa được nói theo thứ tự này ?

Bồ-tát sơ học phải trước quán nhân duyên như thật của các pháp. Từ tu quán này được thông tuệ đối với 12 duyên sinh. Tiếp sau, đối với pháp duyên sinh phải hiểu rõ thể tướng. Do năng lực trí tuệ lìa hai lỗi nhị biên là tăng ích và tổn giảm. Tu tập đúng đắn như vậy sẽ được thông suốt các tướng như thật của sở duyên. Từ đó các chướng sẽ giải thoát. Tiếp theo tâm tâm đã thông suốt sẽ biết được thật tướng. Đó là trước thật hành 6 Ba-la-mật, phải thành tựu thanh tịnh không thoái lui không mất. Do trong ý thanh tịnh thâm nhiếp các Ba-la-mật, y vào 10 địa sai biệt tu tập, tùy từ một đến 3 kiếp A-tăng-kì. Sau đó Bồ-tát phải viên mãn ba học. Viên mãn rồi thì học quả Niết-bàn và vô thượng Bồ-đề. Sau đó sẽ được tu 10 nghĩa theo thứ tự như vậy. Trong thứ tự này, tất cả Đại thừa đều đầy đủ.

Đây trước nói phải biết nghĩa y chỉ là đặt tên cho thức A-lê-da.

Thế Tôn nói thức này ở đâu, và vì sao gọi là thức A-lê-da ?

Bản kệ trong A-tì-đạt-ma, Phật nói :

*Cõi này từ vô thủy,  
Tất cả pháp y chỉ.*

*Có các cõi hữu tình,  
Và có được Niết-bàn.*

A-tì-đạt-ma cũng có kệ nói :  
*Các pháp y tạng trụ,  
Thức của các chủng tử.  
Nên gọi A-lê-da,  
Ta vì Bồ-tát nói.*

Hai bài kệ trong A-hàm này xác nhận tên và thể của thức.

Vì sao Phật nói thức này tên là A-lê-da ?

Vì trong các pháp bất tịnh của tất cả hữu tình chúng sinh, thức này ẩn tàng làm quả, và cũng ẩn tàng làm nhân. Lại nữa chúng sinh chấp tàng thức này làm tướng ngã, nên gọi là A-lê-da. A-hàm nói : Như Kinh Giải Tiệt có bài kệ rằng :

*Thức chấp trì rất sâu,  
Chủng tử pháp hằng chuyển.  
Phàm phu ta chẳng nói,  
Sợ chấp kia là ngã.*

Vì sao thức này cũng gọi là thức A-đà-na ?

Vì thức này có công năng gìn giữ các căn của tất cả chúng sinh hữu sắc và mọi sự thụ sinh đều dựa vào thức này. Bởi vì sao ? Vì tất cả các căn của chúng sinh hữu sắc, được gìn giữ trong thức

này, sẽ không hư hoại không mất và nối tiếp mãi về sau. Cho đến khi thụ sinh, thức này chuyển sinh âm thân, cho nên chúng sinh trong lục đạo đều thụ thân này. Vì tính chất chấp trì và thụ dụng của thức này nên gọi là A-đà-na, hoặc gọi là tâm. Như Phật Thế Tôn nói tâm ý thức vậy.

Ý có 2 thứ : Một là cùng sinh với kia, rồi lần lượt duyên vào nhau, thức diệt trước là ý, lại làm y chỉ cho thức sinh là ý. Hai là nhiễm ô là ý. Nghĩa là hằng tương ưng với 4 phiền não là ngã kiến, ngã mạn, ngã ái và vô minh. Thức này là chỗ y chỉ của các thức phiền não khác. Các thức phiền não do một là y chỉ sinh, hai là nhiễm ô, từ các duyên trần và lần lượt sinh phân biệt, nên có hai tên ý này.

Làm sao biết được có tâm nhiễm ô ?

Nếu không có tâm này, mà chỉ độc hành vô minh, không thể gọi là có. Pháp này không tương tự với 5 thức. Bởi vì sao ? Bởi vì 5 thức này có nhất thời cùng tự y chỉ. Nghĩa là nhãn căn v.v... không có nghĩa là ý. Và Vô tướng định với Diệt tâm định sẽ không khác nhau. Bởi vì sao ? Vì Vô tướng định có tâm nhiễm ô, còn Diệt tâm định thì không như vậy.

Nếu không như vậy hai định này sẽ không khác gì nhau. Lại nữa trong một thời kỳ ở trời Vô tướng, nếu không ngã kiên và ngã mạn thì sẽ không lưu chuyển, không thoái thất, không nhiễm ô. Lại nữa nếu trong tất cả mọi thời, khởi ngã chấp thì sẽ biến khắp trong các tâm thiện ác và vô ký. Nếu không như thế mà nếu chỉ ác tâm và ngã chấp v.v...tương ưng thì sẽ hiện hành ngã và ngã sở. Còn nếu chỉ thiện và vô ký thì không hiện hành ?

Nếu lập 2 tâm đồng thời sinh thì không có lỗi này. Nếu lập tương ưng hành với ý thức thứ 6 thì có lỗi này.

*Không độc hành vô minh,  
Và 5 thức tương tự.  
Hai định không sai biệt,  
Tên ý sẽ vô nghĩa.  
Vô tướng không ngã chấp,  
Một kỳ không lưu chuyển.  
Trong thiện ác vô ký,  
Không nên khởi ngã chấp.  
Lìa nhiễm tâm không có,  
Hai và ba trái nhau.  
Không đây, tất cả chỗ,*

*Ngã chấp không được sinh.  
Chứng kiến nghĩa chân thật,  
Hoặc chứng khiến không khởi.  
Thường hành tất cả chỗ,  
Là độc hành vô minh.*

Vì tâm này nhiễm ô, nên gồm cả tính vô ký và thường cùng tương ưng với 4 hoặc. Ví như hoặc ở các cõi Sắc và Vô sắc là hữu phú vô ký, vì các phiền não ở 2 cõi này được nhiếp tàng trong Xa-ma-tha. Tâm này thường xuyên sinh khởi, không phé bỏ cũng không tìm cầu. Cái thể thứ ba nếu lià thức A-lê-da là không thể có được. Vì vậy thành tựu A-lê-da tức là ý. Ý vào đây chủng tử các thức được sinh khởi.

Vì sao ý này cũng gọi là tâm ?

Vì nhiều thứ chủng tử huân tập nhóm họp.

Vì sao đối với Thanh Văn thừa, tâm tướng này và thuyết A-lê-da không được nói đến ?

Vì A-đà-na là vi tế, thâm nhiếp trong cảnh giới. Bởi vì sao, vì người ở cảnh giới Thanh Văn không có địa vị thù thắng mà được trí nhất thiết trí. Do đó thuyết này không được nói cho hàng Thanh Văn, để họ thành tựu cái trí, khiến viên mãn bản nguyện của họ. Chư Bồ-tát có địa vị thù

thắng, nên Phật nói để cho họ đạt được trí nhất thiết trí. Bởi vì sao, vì nếu là trí này mà được vô thượng Bồ-đề là điều không thể có được.

Lại nữa, trong Thanh Văn thừa, thức này được Như Lai từng nói đến bằng nhiều tên khác. Như trong Kinh Tăng Nhất A-hàm nói ở thế gian có Hỷ lạc A-lê-da, Ái A-lê-da, Tập A-lê-da, Trước A-lê-da, Diệt A-lê-da. Như Lai nói chính pháp, thế gian thích nghe, qua tai nghe tác ý muốn biết, sinh khởi chính cần, mới được Diệt tận A-lê-da. Cho đến thụ nhận tu hành chính pháp và tự pháp của Như Lai. Như Lai ra đời là pháp đệ nhất hi hữu không thể nghĩ bàn, hiển hiện bản thức nơi thế gian. Điều này trong Kinh Như Lai Xuất Thế Tứ Chúng Công Đức, bằng một nghĩa khác, thức này đã được hiển hiện trong Thanh Văn thừa.

Lại nữa trong bộ A-tăng-kì, A-hàm, thức này xuất hiện dưới biệt danh của căn bản thức. Ví như cây dựa vào gốc rễ. Bộ Di-sa-tắc cũng dùng biệt danh gọi thức này là Cùng sinh tử âm.

Bởi vì sao ? Là vì sắc và tâm có lúc thấy tương tương tục, nhưng chủng tử của nó trong tâm này không bao giờ tuyệt dứt. Nên biết rằng Y

chỉ A-đà-na, A-lê-da-chát-đa, Căn bản thức, Cùng sinh tử âm v.v...đều do các tên này đã thành ba đường lối trình bày thức A-lê-da trong Tiểu thừa.

Lại có các luận sư khác cho rằng tâm, ý và thức ba tên khác nhau nhưng nghĩa giống nhau. Không phải nghĩa như vậy. Ý và thức đã có nghĩa khác nhau rồi, nên nghĩa của tâm cũng khác.

Lại có các luận sư khác cho rằng Như Lai nói Thế gian hỷ lạc A-lê-da như trước đã nói, trong đó có 5 thủ âm gọi tên là A-lê-da.

Lại có các luận sư khác cho rằng lạc thụ với dục tương ưng là A-lê-da.

Lại có các luận sư khác cho rằng thân kiến là A-lê-da.

Các luận sư này mê lầm A-lê-da, vì do A-hàm tu đắc, nên có các chấp như vậy. Do học và hành theo Tiểu thừa giáo nên chỗ lập nghĩa của các sư không đúng lý. Nếu có người không mê lầm thức A-lê-da, không ước theo tên của Tiểu thừa mà thành lập thức này thì sẽ được nghĩa tối thắng.

Vì sao gọi là tối thắng ?

Nghĩa là nếu chấp thủ âm là A-lê-da thì sẽ thụ sinh vào một trong các nẻo ác thú một bề thụ khổ.

Thủ ấm này rất ác nghịch, trong thủ ấm này chẳng có gì đáng ưa thích, mà chúng sinh vui thích là không đúng. Bởi vì sao ? Vì chúng sinh trong đó thường nguyện cho thủ ấm tuyệt dứt không sinh. Nếu là thụ vui thì sẽ tương ứng với dục. Từ đệ tứ định trở lên các cõi trên đều không có thụ này. Nếu người đã được cái thụ này mà còn muốn được lên cõi trên thì sẽ sinh chán ghét. Vì vậy chúng sinh trong đó mà nói có hỷ lạc là không đúng. Nếu là thân kiến thì người trong chính pháp tin vui vào vô ngã chứ không yêu thích ngã chấp kia, còn thức A-lê-da này thì tâm chúng sinh chấp làm tự nội ngã. Nếu sinh trong nẻo đường một bề thụ khổ thì nguyện khổ ấm vĩnh viễn tiêu diệt không khởi. Nhưng thức A-lê-da bị ngã ái trói buộc nên chưa hề muốn diệt trừ tự ngã. Các chúng sinh thụ sinh từ Đệ tứ định trở lên, tuy không còn vui thích thụ dục lạc, nhưng trong thức A-lê-da cái tự ngã ái đeo đuổi không rời. Lại nữa, người trong chính pháp, tuy thích vô ngã, trái nghịch lại thân kiến, nhưng trong thức A-lê-da cũng còn tự ngã ái. Chính đó mà an lập tên A-lê-da, thức này là tối thắng.

Đó gọi là thành lập các biệt danh của A-lê-da.

## Phẩm thứ hai : Nói về tướng

Lại nữa, làm sao thấy sự thành lập tướng này ?

Tướng này sơ lược có 3 thứ : một là lập tự tướng, hai là lập nhân tướng, ba là lập quả tướng.

Lập tự tướng nghĩa là thức này như cái đồ đựng của chúng tử tất cả các pháp tập khí bất tịnh phẩm, giữ gìn và làm nơi y cứ cho chúng phát sinh, nên gọi là tự tướng.

Lập nhân tướng nghĩa là Nhất thiết chủng thức này là nhân hằng sinh khởi pháp bất tịnh, nên gọi là nhân tướng.

Lập quả tướng nghĩa là thức này là kết quả của các thứ bất tịnh phẩm tập khí từ vô thủy sinh ra, nên gọi là quả tướng.

Pháp nào gọi là tập khí, và tên tập khí muốn nói ý nghĩa gì ?

Nghĩa là pháp này cùng với kia tương ưng, cùng sinh cùng diệt, sau biến thành sinh nhân của kia. Đó là nghĩa sở hiển. Ví như người ta dùng hoa ướp vào mè. Mè và hoa đồng thời sinh diệt. Sau dần dần thành nhân sinh ra mè có mùi thơm

của hoa. Nếu người có tham dục chẳng hạn, tham dục làm tập khí, cùng tâm đồng sinh đồng diệt, lần lần sinh nhân làm tâm thay đổi biến khác. Nếu người đa văn, có tập khí đa văn, thường suy tư những gì đã nghe và học hỏi, cùng với tâm sinh diệt, sau thành nhân sinh ra tâm hiểu biết sáng suốt. Do huân tập này mà được an trụ vững vàng, cho nên gọi người này là năng trì pháp. Đối với thức A-lê-da phải hiểu lý như thế.

Chủng tử nhiệm ô này với thức A-lê-da giống nhau khác nhau thế nào ?

Không do vật thể riêng biệt, cho nên nói khác là trong sự hòa hợp này, tuy khó phân biệt nhưng không phải không khác. Thức A-lê-da sinh như vậy, và khi huân tập sinh, có công năng vượt trội khác hẳn, cho nên gọi nó là Nhất thiết chủng tử.

Làm sao thức A-lê-da cùng với các nhiệm ô lại đồng thời làm nhân cho nhau ?

Ví như ngọn lửa đèn và tim đèn. Việc phát ra ánh sáng và việc đốt cháy tim đèn là hai việc đồng thời làm nhân cho nhau. Cũng như đám cây lau nướng tựa vào nhau mà đứng được. Nên biết bản thức với năng huân tập làm nhân cho nhau cũng nghĩa như vậy. Như thức là nhân của pháp

nhiệm ô, và pháp nhiệm ô là nhân của thức. Bởi vì sao ? Vì là hai pháp này không thể có nhân nào khác.

Vì sao huân tập thì không khác, không đa chủng, mà có thể làm nhân sinh ra các pháp sai khác và đa chủng ?

Ví như chiếc áo đan dệt bằng nhiều sợi. Áo không có nhiều màu sắc, nhưng khi cho vào chậu thuốc nhuộm thì hiện thấy nhiều vẻ khác nhau. Cũng vậy thức A-lê-da khi các pháp huân tập, nó chỉ có một tính chứ không nhiều thứ. Nhưng khi sinh ra quả, thì như trong chậu thuốc nhuộm vô số chủng loại tương mạo hiện ra, nơi thức A-lê-da hiện các duyên sinh này.

Trong Đại thừa, duyên sinh này vi tế và rất sâu, nếu lược nói có 2 thứ duyên sinh : một là phân biệt tự tính, hai là phân biệt ái phi ái. Ý chỉ vào thức A-lê-da các pháp sinh khởi, gọi là phân biệt tự tính duyên sinh. Vì do phân biệt tự tính của các pháp nhân duyên. Lại có 12 phần duyên sinh, gọi là phân biệt ái phi ái. Vì phân biệt ái phi ái đối với các thiện ác đạo mà sinh các nhân khác nhau. Nếu người mê lầm duyên sinh thứ nhất đối với thức A-lê-da thì hoặc chấp tự tính là nguyên

nhân sinh tử, hoặc chấp tác nghiệp đời trước, hoặc chấp tự tại biến hóa, hoặc chấp 8 thứ tự tại ngã, hoặc chấp không có nhân. Nếu người mê lầm duyên sinh thứ hai thì hoặc chấp cái ngã là tác giả, hoặc cái ngã là thụ giả. Ví như có đám người mù bẩm sinh chưa từng biết con voi là gì. Có người đem voi đến cho họ tiếp xúc. Những người mù kia, người thì sờ được vòi, người sờ ngà, người sờ tai, người sờ chân, người sờ đuôi, người sờ lưng v.v... Có người hỏi con voi hình dáng thế nào, những người mù đáp nào là như cái chuôi cày, như cái chày, như cái rô, như cái cối, như cây chổi, như núi đá. Nếu người không rõ 2 thứ duyên sinh thì vì vô minh bẩm sinh hoặc nói tự tính là nhân, hoặc nói tác nghiệp đời trước, hoặc nói tự tại biến hóa, hoặc nói 8 thứ ngã tự tại, hoặc nói không có nhân, hoặc nói là tác giả, thụ giả. Đó là do không rõ thể tướng và nhân quả tướng của thức A-lê-da. Như những người mù bẩm sinh kia, không biết thể tướng của con voi nên diễn tả khác nhau. Nếu nói vắn tắt thể tướng của thức A-lê-da, thì nó là quả báo thức, là nhất thiết chủng tử. Bởi vì thức này gồm thấu tất cả

tam giới thân, tất cả lục đạo tứ sinh, tất cả đều  
hiển thị nghĩa này. Kệ nói :

*Trong ngoài không hiểu rõ,  
Cả hai là giả danh.  
Và chân thật tất cả  
Chủng tử có 6 thứ :  
Niệm niệm diệt, câu hữu,  
Tùy chuyển theo mãi mãi,  
Quyết định, quán nhân duyên,  
Và dẫn hiển tự quả.  
Kiên, vô ký, khả huân,  
Với năng huân tương ưng,  
Không thể huân nếu khác,  
Đó là huân thể tướng.  
Sáu thức không tương ưng,  
Trái nhau 3 sai biệt.  
Hai niệm không câu hữu,  
Các loài khác cũng vậy.  
Chủng tử trong ngoài này,  
Năng sinh và dẫn nhân,  
Cây khô còn tương tục,  
Rồi sau mới chết hẳn.  
Ví như chủng tử ngoài,  
Chủng tử trong không thể.*

Nghĩa này làm rõ bằng 2 bài kệ sau đây :

*Ở ngoài, không huân tập,  
Chứng tử trong, không thể.  
Nếu vẫn không huân tập,  
Sinh quả thì phi lý.  
Đã làm và chưa làm,  
Được mất đều trái nhau.  
Do trong ngoài được thành,  
Cho nên trong có huân.*

Khác với thức A-lê-da, sở và năng của các thức khác là thức sinh khởi. Nên biết rằng trong tất cả các nẻo đường sinh tử chúng được gọi là thức thụ dụng. Như bài kệ trong Luận Trung Biên nói :

*Một là nói duyên thức,  
Hai là nói thụ thức.  
Liễu, thụ là phân biệt,  
Các tâm pháp hiện hành.*

Hai thức này lại làm nhân cho nhau. Như bài kệ trong Đại Thừa A-tì-đạt-ma nói :

*Các pháp với Tạng thức,  
Thức với pháp cũng vậy.  
Cả hai : nhân cho nhau,  
Cũng làm quả cho nhau.*

Nếu trong duyên sinh thứ nhất, các pháp và thức làm nhân duyên cho nhau thì trong duyên sinh thứ hai, các pháp là duyên gì ?

Đó là tạng thượng duyên.

Vậy bao nhiêu duyên có thể sinh 6 thức ?

Có 3 duyên, đó là tạng thượng duyên, sở duyên duyên và thứ đệ duyên. Còn 3 duyên sinh này là cùng sinh tử duyên sinh, ái tạng đạo duyên sinh và thụ dụng duyên sinh thì đầy đủ 4 duyên.

### Phẩm thứ ba : Dẫn chứng

Thức A-lê-da đã được xác lập do các tên và thể tướng. Nhưng làm sao biết được là thức A-lê-da ?

Biết được là do các tên. Như Lai nói thể tướng cũng vậy, không nói thức sinh khởi. Bởi vì lìa các danh và tướng được xác lập thức A-lê-da này, thì bất tịnh phẩm, tịnh phẩm đều không thành. Như phiền não bất tịnh phẩm, nghiệp bất tịnh phẩm, sinh bất tịnh phẩm và thế gian tịnh phẩm, xuất thế tịnh phẩm cũng đều không thành.

Vì sao phiền não bất tịnh phẩm không thành ?

Căn bản phiền não và thiếu phần phiền não, huân tập thành chủng tử, không thành tựu trong 6 thức. Bởi vì sao ? Vì như nhãn thức đối với dục chẳng hạn, đại tiểu hai hoặc đều câu khởi câu diệt. Nhãn thức này là do hoặc huân thành chủng tử. Trường hợp các thức khác cũng vậy. Nhãn thức này đã diệt rồi, nếu các thức khác khởi xen vào thì sự huân tập và chỗ y chỉ của sự huân tập đều không thể có được. Nhãn thức thời gian trước đã mất, hiện không có hữu thể, hoặc nói các thức khác xen vào, theo đó đã diệt là không đúng, hoặc có dục câu sinh cũng không thành. Ví như cái gì đã diệt mất từ quá khứ, thì quả báo của nghiệp không thể sinh. Hoặc nói nhãn thức và dục chẳng hạn, đồng thời sinh khởi huân tập, cũng không được. Bởi vì sao ? Vì chủng tử này không trụ được trong dục, bởi dục y chỉ vào thức. Lại nữa, dục tương tục chứ không kiên trụ, cho nên dục này cũng không huân tập trong các thức khác. Vì chỗ y chỉ khác nhau, nên các thức khác không cùng khởi cùng diệt. Đồng loại với đồng loại không huân lẫn nhau được, do không nhất thời cùng sinh cùng diệt. Vì vậy nên nhãn thức không bị huân bởi dục, cũng như đại tiểu các hoặc, cũng

không bị huân, bởi các thức cùng loại. Suy nghĩ từ nhân thức như thế thì đối với các thức khác cũng phải suy nghĩ như vậy.

Lại nữa nếu chúng sinh từ trời Vô tướng trở lên, khi bị thoái đọa sinh xuống hạ giới, bị đại tiểu hoặc, nhiễm vào thức ban đầu. Thức này khi sinh phải không có chủng tử. Bởi vì sao ? Bởi các hoặc huân tập, cùng với chỗ y chỉ, đều đã diệt theo quá khứ không còn lại.

Lại nữa cái thức đối trị với hoặc đã sinh, trong khi các thức thế gian đã diệt hết, nếu không có thức A-lê-da mà thức đối trị cùng chủng tử đại tiểu các hoặc đều có, thì không có nghĩa. Bởi vì sao ? Vì tự tính giải thoát, nên tâm vô lưu cùng với hoặc, không thể cùng khởi cùng diệt. Lại nữa sau khi xuất quán chính, khởi tâm thế gian, các hoặc huân tập lâu đã diệt hết, ý thức hữu lưu không có chủng tử được sinh, cho nên là thức A-lê-da, thì phiền não nhiễm ô sẽ không thành.

Lại nữa nghiệp nhiễm ô vì sao không thành ?

Vì duyên hành sinh thức là không thành nghĩa. Nếu không có nghĩa này, thì duyên thủ sinh hữu cũng không thành nghĩa, nên nghiệp nhiễm ô không thành.

Lại nữa vì sao sinh nhiễm ô không thành ?

Vì kết sinh không thành. Nếu người ở thượng tinh địa thoái đọa, tâm chính đang trong trung âm, khởi ý thức nhiễm ô thì mới thụ sinh. Cái thức nhiễm ô trong trung âm diệt, thì gá vào Kha-la-la, biến hợp thụ sinh trong thai mẹ.

Nếu chỉ có ý thức biến thành Kha-la-la v.v... mà y chỉ, thì ý thức này trong thai mẹ sẽ có một ý thức khác khởi.

Không có nghĩa như thế.

Ở trong thai mẹ hai thứ ý thức khởi cùng một lúc ?

Cũng không có nghĩa như vậy. Cái ý thức biến đổi khác không thể thành lập. Vì ý thức y chỉ không thanh tịnh, nên theo thời gian lâu duyên cảnh. Cảnh sở duyên là không thể biết, cho nên nếu ý thức này đã biến đổi khác thì lúc ấy ý thức thành Kha-la-la. Vì thức này là chỗ y chỉ của chủng tử tất cả các pháp. Thức này sinh các thức khác, nên gọi là nhất thiết pháp chủng tử. Nếu ông chấp cái thức đã biến đổi khác là nhất thiết chủng tử thức, vậy tức là thức A-lê-da. Ông tự dùng tên khác mà thành lập gọi là ý thức. Nếu ông cho rằng cái thức năng y chỉ, là nhất thiết

chúng tử thức, cho nên thức này do y chỉ mà thành nhân khác. Cái thức sở y chỉ này, nếu chẳng phải nhất thiết chúng tử thức năng y chỉ, mà gọi là nhất thiết chúng tử thức, thì nghĩa không thành. Vì vậy cho nên thức này thác sinh, biến thành Kha-la-la, chẳng phải là ý thức. Chỉ là quả báo, cũng là nhất thiết chúng tử. Nghĩa này đã được xác định.

Lại nữa, nếu chúng sinh đã thác sinh thì không thể gìn giữ các sắc căn khác. Là quả báo thức thì không thể nào được. Bởi vì sao ? Các thức khác có chỗ y chỉ riêng khác và không kiên trụ. Nếu các sắc căn này không có thức gìn giữ thì cũng không thành.

Lại nữa thức này và danh sắc nương tựa vào nhau, ví như đám cây lau dựa vào nhau mà đứng. Thức này cũng không thành.

Lại nữa nếu là quả báo thức thì tất cả chúng sinh cầu sinh đã sinh, thức thực sẽ không thành. Bởi vì sao ? Vì nếu là quả báo thức thì nhãn thức v.v...tùy lấy ra một thức nào cũng không thể làm cái việc nuôi dưỡng cho chúng sinh thụ sinh trong ba cõi.

Nếu người từ cõi này xả mạng, sinh lên thượng tinh địa, do ý thức nhiễm ô tán động, cái thức tán động nhiễm ô thụ sinh kia, ở nơi tinh địa là quả báo thức, mà còn lại chủng tử, là không có nghĩa.

Lại nữa, nếu chúng sinh sinh cõi Vô sắc, là nhất thiết chủng tử quả báo thức, nếu có sinh tâm nhiễm ô và thiện tâm, thì không có chủng tử và cũng không có hai thức làm chỗ y chỉ cho nhiễm ô và thiện.

Ở cõi Vô sắc, nếu khởi tâm vô lưu, các tâm thế gian khác đã diệt hết, nên phải từ bỏ đường này. Nếu chúng sinh, sinh trong Phi tướng phi phi tướng, khởi tâm bất dụng xứ và tâm vô lưu, tức xả bỏ hai xứ. Bởi vì sao ? Vì tâm vô lưu là tâm xuất thế, không lấy Phi tướng phi phi tướng đạo làm chỗ y chỉ, không lấy bất dụng xứ đạo làm chỗ y chỉ, cũng không lấy việc thăng đến Niết-bàn làm chỗ y chỉ.

Lại nữa, nếu người đã tạo nghiệp thiện hay nghiệp ác, chính khi xả bỏ thọ mạng là thức A-lê-da, thì cái thân nó y chỉ lần lượt phát lạnh từ trên xuống hoặc từ dưới lên. Nếu không có A-lê-da thì không có hiện tượng này. Vì vậy nên sinh ô

nhiệm mà là nhất thiết chủng quả báo thức thì không thành.

Vì sao tịnh phẩm thể gian không thành ?

Vì nếu chúng sinh nào chưa là tham dục của cõi Dục, chưa được tâm cõi Sắc, trước khởi thiện tâm của cõi Dục, cầu là dục tâm cõi Dục, tu hành quán tâm, cái tâm gia hành của cõi Dục này với cái tâm của cõi Sắc không cùng khởi cùng diệt, nên không huân tập được. Vì vậy thiện tâm cõi Dục không phải chủng tử thiện tâm của cõi Sắc. Cái tâm quá khứ của cõi Sắc nhiều đời bị các tâm khác ngăn cách, về sau không thể lập thành chủng tử của tĩnh thức vì không có. Vì vậy thành nghĩa này là tĩnh tâm của cõi Sắc, nhất thiết chủng tử quả báo thức lần lượt truyền đến làm nhân duyên. Thiện tâm gia hành này lập làm tăng thượng duyên. Như vậy phải biết ý nghĩa như thế trong tất cả các địa vị ly dục. Đó nghĩa là thanh tịnh phẩm của thể gian, nếu là nhất thiết chủng tử quả báo thức thì không thành.

Vì sao tịnh phẩm xuất thể gian là thức A-lê-da thì không thành ?

Phật Thế Tôn nói : Nghe âm thanh từ người khác và tự mình tư duy đúng đắn, do hai nhân này

chính kiến phát sinh. Cái nghe âm thanh từ người khác và chính tư duy không thể huân tập vào nhĩ thức và ý thức, hoặc huân tập vào cả hai.

Bởi vì sao ? Nếu người nghe mà hiểu và chính tư duy thì bấy giờ nhĩ thức không phát sinh, cả ý thức cũng không phát sinh, bởi vì đó là các tán động phân biệt thức nghe. Nếu là cùng với chính tư duy tương ưng phát sinh, thì ý thức này đã diệt mất lâu rồi. Cái sở huân là nghe cùng với huân tập đã không có thì làm sao sau đó lấy thức trước làm chủng tử sinh thức sau được ?

Lại nữa, cái tâm thế gian tương ưng cùng chính tư duy, cái tâm thanh tịnh xuất thế gian tương ưng với chính kiến, hai cái này không bao giờ cùng sinh cùng diệt. Cho nên cái tâm thế gian này chẳng liên quan gì đến sự huân tập tịnh tâm. Đã không huân tập thì không thể thành chủng tử xuất thế được. Vì vậy cho nên, nếu là nhất thiết chủng tử quả báo thức, thì xuất thế tịnh tâm cũng không thành. Bởi vì sao ? Trong đây sự huân tập của cái nghe và tư duy không có nghĩa là có khả năng thâm nhiếp chủng tử huân tập xuất thế gian.

Vì sao nhất thiết chủng tử quả báo thức thành nhân của bất tịnh phẩm ? Nếu có thể tạo tác

nhiễm trước, đối trị lại nhân tịnh tâm xuất thế, nhưng tâm xuất thế này từ xưa nay chưa từng sinh. Vậy thì nhất định không có huân tập. Nếu không huân tập, thì tâm xuất thế này từ nhân nào sinh ra ?

Ông nay nên trả lời là, vì chính cái nghe được lưu xuất từ pháp giới rất thanh tịnh, huân tập làm chủng tử.

Tâm xuất thế được sinh, văn tuệ huân tập này cùng với thức A-lê-da là đồng tính hay không đồng tính ? Nếu là tính của thức A-lê-da thì làm sao thành chủng tử đối trị thức này ? Nếu không đồng tính thì chủng tử văn tuệ này lấy pháp nào làm y chỉ ?

Cho đến khi được địa vị vô thượng Bồ-đề của chư Phật, văn tuệ huân tập này phát sinh và tùy chuyển ở một nơi y chỉ. Trong đó nó cùng sinh với quả báo thức, như nước với sữa. Nhưng văn tuệ huân tập này không phải bản thức. Nó đã thành chủng tử đối trị lại với thức này.

Cho nên trong đây y vào huân tập bậc thấp sinh huân tập bậc trung, y vào huân tập bậc trung sinh huân tập bậc cao.

Bởi vì sao ? Vì thường xuyên gia hành văn tu tu. Nên biết văn huân tập bậc thấp bậc trung và bậc cao này là chủng tử của pháp thân, do đối trị với thức A-lê-da sinh ra. Cho nên không thâm nhiếp trong tính của A-lê-da. Vì nó lưu xuất từ pháp giới xuất thế rất thanh tịnh, mặc dầu còn là pháp thế gian mà đã thành tâm xuất thế.

Bởi vì sao ? Vì chủng tử tâm xuất thế thanh tịnh này khi chưa khởi, đã có khả năng đối trị tất cả thượng tâm hoặc, đối trị tất cả ác đạo sinh, đối trị tất cả ác hạnh hủ hoại, có khả năng tiếp nối liên tục, khiến sinh tùy thuận, gặp và phụng sự chư Phật Bồ-tát.

Cái văn huân tập này, tuy là pháp thế gian mà Bồ-tát mới tu quán đạt được. Nên biết rằng pháp này nhiếp thuộc vào pháp thân. Nếu Thanh Văn, Độc Giác đạt được thì nhiếp thuộc vào giải thoát thân.

Cái văn huân tập này chẳng phải là thức A-lê-da, mà thuộc về pháp thân và giải thoát thân. Và cứ như vậy tuần tự tăng dần bậc thấp, bậc trung, bậc cao, và cũng như vậy quả báo thức tuần tự giảm dần. Như vậy tức chỗ y chỉ chuyển biến. Nếu nơi y chỉ cứ tiếp tục chuyển biến, thì cái quả

báo thức có chủng tử, sẽ trở thành không còn chủng tử, tất cả đều hết.

Nếu bản thức với các thức chẳng phải bản thức cùng khởi cùng diệt, hòa hợp nhau như nước và sữa thì vì sao bản thức diệt, các thức khác không phải bản thức không diệt ?

Điều này ví như con ngỗng uống sữa trong nước, cũng giống như thế gian khi ly dục thì các huân tập ở bất tỉnh địa diệt, các huân tập ở tỉnh địa tăng, thành nghĩa chuyển y của thế gian, và nghĩa chuyển y của xuất thế gian cũng vậy.

Như người nhập Diệt tâm định, do thức không lìa thân cho nên quả báo thức ở trong định cũng không lìa thân.

Tại sao vậy ? Vì Diệt tâm định không đối trị với thức này.

Làm sao biết ?

Vì nếu đối trị với thức này thì khi xuất định, thức sẽ không sinh trở lại.

Tại sao ?

Vì sự tương tục của quả báo thức đã đoạn. Nếu khi đã lìa sự thác sinh thì sẽ không sinh trở lại.

Có người nói trong Diệt tâm định vẫn có tâm.

Cái mà người này nói là tâm đó không đúng.

Tại sao ?

Vì định nghĩa bất thành, do không hiểu được tướng và cảnh. Vì lỗi tương ưng với thiện căn. Vì không tương ưng với ác và vô ký. Vì lỗi sinh khởi tướng và thụ. Ba cái này hòa hợp ắt phải có xúc. Vì trong các định khác đều có công năng này. Vì lỗi chỉ diệt tướng. Vì lỗi sinh khởi các thiện căn như tác ý, tín v.v... Vì không thể đoạn trừ năng y, lìa sở y. Vì có thí dụ. Chẳng phải nhất thiết hành, vì nhất thiết hành không phải như thế.

Nếu có người chấp sắc tâm lần lượt sinh các pháp chủng tử này, thì chấp đó không đúng.

Tại vì sao ?

Vì đã có lỗi trước rồi, lại có lỗi khác nữa. Lỗi khác đó là nếu như người từ trời Vô tướng thoái đạo, hoặc từ Diệt tâm định xuất, những chấp trước trong đó đều không đúng. Cũng không thành cái tâm sau cùng của A-la-hán. Nếu lìa sự duyên theo thứ tự, sẽ không thành chấp này. Như vậy nếu lìa nhất thiết chủng tử quả thức, thì các tịnh bất tịnh phẩm đều không thành. Cho nên cái tâm này có nghĩa thành tựu. Phải tin hiểu theo

thuyết tướng đã nói ở trước. Nay có bài kệ như sau :

*Bồ-tát nơi thiện thức,  
Thì lìa năm thức kia.  
Không các tâm chuyển y,  
Lấy gì làm phương tiện.  
Nếu đối trị chuyển y,  
Chẳng phải diệt : không thành.  
Nhân quả không sai biệt,  
Nói diệt tức có lỗi.  
Không chung tử : không pháp,  
Nếu cho là chuyển y,  
Không hai, nên không có,  
Không thành nghĩa chuyển y.*

### Phẩm thứ tư : Sai biệt

Thức A-lê-da này có những gì sai biệt?

Nói chung, có 3 hoặc 4 thứ sai biệt. Ba thứ là do 3 thứ huân tập thành ra sai khác. Đó là danh ngôn phân biệt, ngã kiến phân biệt và hữu chi phân biệt. Bốn thứ là dẫn sinh phân biệt, quả báo phân biệt, duyên tướng sai biệt và tướng mạo sai biệt. Dẫn sinh sai biệt là huân tập, làm sinh ra cái

mới. Nếu không có cái này, thì việc duyên hành sinh thức, duyên thủ sinh hữu sẽ không thành. Quả báo sai biệt nghĩa là do hành mà trong sáu đường pháp này được thành thực. Nếu không có cái này thì về sau, khi thụ sinh sẽ không có các pháp sinh khởi. Duyên tướng sai biệt nghĩa là ở trong tâm có tướng hay sinh khởi ngã chấp. Nếu không có cái này thì ở trong các tâm sẽ không có tướng cảnh ngã chấp. Tướng mạo sai biệt nghĩa là thức này có tướng chung, có tướng không chung, có tướng chủng tử không thụ sinh, có tướng chủng tử có thụ sinh. Tướng chung là chủng tử của khí thể giới. Tướng không chung là các chủng tử riêng biệt bên trong. Lại nữa tướng chung là chủng tử không thụ sinh. Tướng không chung là chủng tử có thụ sinh. Nếu khi sinh đối trị, thì chỉ có tướng không chung bị diệt, còn đối với tướng chung thì do sự duy trì của bao nhiêu hữu tình khác, chứ bản thân thì chính kiến thanh tịnh. Ví như hành giả tu quán, đối với một loại vật, tùy tâm mình lập ra bao nhiêu cách quán sát và bao nhiêu tâm nguyện. Có bài kệ như sau :

*Khó diệt và khó hiểu,  
Gọi tên là cộng kết.*

*Tâm hành giả không đồng,  
Tướng thế giới thành khác.  
Người thanh tịnh chưa diệt,  
Vẫn thấy là thanh tịnh.  
Thành tựu Phật độ tịnh,  
Do Phật thấy thanh tịnh.*

Lại có bài kệ như sau :

*Các nguyên và chỗ thấy,  
Do người tu quán hạnh.  
Ở trong một vật loại,  
Tùy theo tâm kia thành.  
Thấy nhiều thứ khác nhau,  
Sở thủ chỉ có thức.*

Đó là chủng tử thụ sinh của hữu tình, tướng sai biệt không chung của bản thức. Nếu không có cái này, thì không có sinh duyên của thế giới chúng sinh. Đó là chủng tử không thụ sinh, tướng chung của thức A-lê-da. Nếu không có cái này, thì không có sinh duyên của khí thế giới.

Lại nữa thức có tướng thô trọng, có tướng vi tế nhẹ nhàng. Tướng thô trọng của thức là chủng tử các đại tiêu hoặc. Tướng vi tế nhẹ nhàng của thức là chủng tử của tất cả thiện pháp hữu lưu. Nếu không có cái này, thì nghiệp quả trước có

khả năng vượt trội, với nghiệp quả không có khả năng vượt trội, không lấy đâu làm chỗ sở y sai biệt.

Lại có hai thứ bản thức có tướng thụ và tướng không thụ. Tướng có thụ là thức chủng tử thiện ác, đã thành quả báo dị thực. Tướng không thụ là chủng tử danh ngôn, huân tập từ vô lượng quá khứ. Vì là chủng tử sinh khởi cho nên nếu không có thức này, thì tạo tác hay không tạo tác hai nhân thiện ác với quả báo không thành hết nghĩa thụ dụng, sinh khởi huân tập danh ngôn cũng không thành.

Lại nữa có tướng thí dụ. Thức được ví dụ như sự ảo hóa, như con nai khát nước thấy sóng nắng, như mộng tưởng chiêm bao, như hoa mắt. Thức thứ nhất tương tự như những việc này. Nếu không có các chủng tử hư vọng phân biệt này, thì thức này không thành nhân duyên điên đảo.

Lại nữa có tướng đủ và tướng không đủ. Nói tướng đủ, là đủ các thứ trói buộc chúng sinh. Nếu được lìa dục thế gian, thì có tướng làm tổn giảm các trói buộc. Như hữu học Thanh Văn và các Bồ-tát, thì có tướng lìa diệt một phần. Như A-la-hán, Độc Giác, Như Lai thì có đầy đủ toàn phần

tướng lìa diệt. Vì sao vậy ? Vì A-la-hán, Độc Giác chỉ diệt hoặc chướng. Như Lai diệt cả hoặc trí hai chướng. Nếu không có cái này, thì không thể tuần tự diệt hết các phiền não.

Vì nhân duyên gì quả báo của hai pháp thiện ác, chỉ có tính vô phú vô ký ?

Vì tính vô ký này cấu sinh với hai pháp thiện ác, và không trái nghịch. Hai pháp thiện ác tự nó trái nghịch với nhau. Nếu quả báo thành tính thiện ác, thì không có phương tiện giải thoát phiền não, cũng không có phương tiện để khởi thiện và phiền não. Không giải thoát và trói buộc. Vì không có hai nghĩa này nên tính của quả báo thức là vô phú vô ký.

**Phẩm thứ năm : Phải biết thắng tướng**

Đã nói phải biết về y chỉ rồi, vậy phải biết thắng tướng như thế nào ?

Phải biết thắng tướng, nói chung có 3 thứ : một là tướng y tha tính, hai là tướng phân biệt tính, ba là tướng chân thật tính.

Tướng y tha tính nghĩa là bản thức là chủng tử, hư vọng phân biệt gồm thân các thức sai biệt.

Thức sai biệt là những gì ? Đó là thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, ứng thụ thức, chính thụ thức, thể thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, tự tha sai biệt thức và thức của hai đường sinh tử thiện ác.

Thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, ứng thụ thức, chính thụ thức, thể thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, các thức này do chủng tử của ngôn thuyết huân tập sinh. Tự tha sai biệt thức do chủng tử ngã kiến huân tập sinh. Thức của hai đường sinh tử thiện ác do chủng tử của hữu chi huân tập sinh. Do các thức đây lấy tướng y tha làm tính gồm thấu tất cả phiên não trong ba cõi sáu đường. Có hư vọng phân biệt tức thì được hiện khởi. Các thức hư vọng phân biệt này chỉ lấy thức làm thể, chẳng có hư vọng trần nào hiển hiện làm nơi y chỉ. Vì vậy gọi là tướng y tha tính.

Tướng phân biệt tính nghĩa là thật sự không có trần, chỉ có thức thể, hiển hiện làm trần. Vì vậy gọi là tướng phân biệt tính.

Tướng chân thật tính nghĩa là cái tính y tha này, do cái tướng trần là vĩnh viễn không có, cái thật này chẳng phải không. Vì vậy gọi là tướng chân thật tính. Bởi nói thân thức, thân giả thức,

thụ giả thức thì phải biết đó là gồm 6 nội giới như nhãn căn v.v...Nói ứng thụ thức là phải biết đó là gồm 6 ngoại giới như sắc v.v... Nói chính thụ thức là phải biết đó là gồm 6 thức giới như nhãn thức v.v...Vì là gốc của các thức nên các thức khác là sai biệt với thức này. Như vậy các thức đều là duy thức vì không có trần. Ví như chiêm bao. Trong chiêm bao chỉ có thức, lìa các ngoại trần. Các thứ như sắc, thanh, hương, vị, xúc, nhà cửa, núi rừng, đất đai v.v...các trần hiển hiện như thật, nhưng không một trần nào là thật có. Do ví dụ này phải biết tất cả mọi chỗ mọi nơi đều chỉ có thức. Qua đây phải biết các ví dụ khác cũng vậy, như hiện tượng ảo hóa, con nai khát nước, hoa mắt v.v...Người đã giác ngộ thấy tất cả trần cảnh mọi chỗ mọi nơi đều chỉ có thức, ví như cảnh trong chiêm bao.

Nếu như người khi tỉnh giấc chiêm bao, biết cảnh chiêm bao là chỉ có thức, vậy tại sao người đang thức lại không biết ?

Không, không phải nghĩa như vậy. Người đã được trí giác chân như mới biết. Ví như người đang ở trong chiêm bao chưa thức dậy thì không biết. Nếu thức dậy rồi mới biết. Cũng vậy, nếu

người chưa được trí giác chân như thì không biết. Nếu đã được trí giác chân như chắc chắn có sự hiểu biết này.

Nếu người chưa được trí giác chân như, đối với lý duy thức làm sao khởi được trí này ?

Do thánh giáo và chân lý có thể được độ. Thánh giáo là như trong Kinh Thập Địa, Phật Thế Tôn nói : Phật tử ! Ba cõi chỉ có thức.

Lại như trong Kinh Giải Tiệt có nói :

Lúc bấy giờ Di-lặc Bồ-tát Ma-ha-tát hỏi Phật Thế Tôn :

Thưa Thế Tôn ! Sắc tướng do tâm trong định duyên cảnh, vậy có khác với tâm hay không khác ?

Phật bảo : Di-lặc ! Không khác. Bởi vì sao ? Ta nói chỉ có thức. Cảnh giới sắc tướng này do thức biến hiện.

Bồ-tát Di-lặc nói : Thưa Thế Tôn ! Sắc tướng của cảnh giới trong định không khác với định tâm thì tại sao thức ấy lấy thức ấy làm cảnh ?

Phật bảo : Di-lặc ! Không có pháp nào có thể thủ lấy các pháp khác. Tuy không thể thủ lấy, nhưng thức này biến hiện sinh ra như trần cảnh. Ví như đối mặt trong gương, trông thấy mặt

mình. Nghĩa là ta thấy cái bóng hiển hiện tựa như một gương mặt khác. Tâm trong định cũng vậy, hiển hiện tựa như trần cảnh. Đó gọi là định tâm khác. Do đó mà đạo lý A-hàm thành, và rõ nghĩa của Duy thức.

Tại sao như vậy ?

Lúc bấy giờ chính trong tâm người tu quán, nếu thấy các màu xanh vàng v.v...biến khắp các sắc tướng, tức là thấy tự tâm mình không thấy các cảnh sắc xanh vàng khác. Do đạo lý này, trong tất cả các thức, Bồ-tát đối với lý duy thức cũng phải so sánh mà biết như vậy. Đối với sự nhận biết xanh vàng v.v...không phải nhận biết do duy trì và hồi ức, vì đây là thấy cảnh hiện tiền. Đối với hai trường hợp văn và tư, nghĩa là nghe và suy nghĩ, cái thức duy trì và hồi ức duyên cảnh quá khứ, cảnh tương tự quá khứ hiện khởi. Vì vậy mà thành nghĩa Duy thức. Do đây so sánh biết rằng nếu Bồ-tát chưa chứng trí giác chân như, nhờ nghĩa duy thức so sánh mà biết được.

Như trước đã nói các thức, ví với ảo hóa, chiêm bao v.v...Trong đó các thức như nhãn thức v.v...thành được là nhờ nghĩa của duy thức.

Nhân thức v.v...là thức có sắc cảnh, làm sao chấp nhận nghĩa duy thức ?

Các thức này do A-hàm và các đạo lý như trước đã nói, cần phải biết.

Nếu sắc là thức thì sao hiển hiện tương tự sắc ? Làm sao tương tục kiên trụ trước sau tương tự ?

Vì do điên đảo v.v...các phiền não y chỉ. Nếu không như vậy sẽ không có nghĩa điên đảo. Không có nghĩa điên đảo thì không có hai thứ phiền não là hoặc chướng và trí chướng.. Nếu không có hai chướng thì cũng không có các phẩm thanh tịnh. Vì vậy cho nên phải tin các thức sinh khởi như vậy là thật. Trong đây có bài kệ như sau

:

*Loạn nhân và loạn thể*

*Sắc thức, vô sắc thức.*

*Nếu thức trước không có,*

*Thức sau không sinh được.*

Vì sao thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, ứng thụ thức, chính thụ thức phối hợp chặt chẽ sinh trong tất cả mọi chỗ mọi nơi sinh ?

Vì đó mới thể hiện đầy đủ sự thụ sinh.

Vì sao thế thức v.v..., như trước nói có sinh nhiều thứ sai biệt ?

Vì từ vô thủy sinh tử tương tục không dứt, gồm thân trong vô lượng cõi chúng sinh, gồm thân trong vô lượng khí thế giới, gồm thân trong sự hiển thị của vô lượng tác nghiệp, gồm thân trong sai biệt của vô lượng nhiếp và vô lượng thụ dụng, gồm thân trong quả báo của vô lượng nghiệp thụ dụng yêu ghét, gồm thân trong sai biệt của vô lượng sinh tử chúng đắc.

Làm sao có thể nói một cách đúng đắn các thức này làm thành nghĩa của duy thức ?

Nếu nói sơ lược thì có 3 tướng. Một, các thức là thành duy thức. Hai, chỉ có thức, không có ngoại trần, cho nên chỉ có 2 phần là tướng phần và kiến phần. Ba, tất cả các tướng sinh khởi đều được gồm thân trong thức.

Nghĩa này là thế nào ?

Vì tất cả là thức không có ngoại trần, thành ra chỉ có thức có tướng và có kiến. Các thức như nhãn v.v...lấy sắc v.v...làm tướng. Nhãn v.v... các thức lấy các thức làm kiến. Ý thức lấy tất cả nhãn thức cho đến pháp thức làm tướng. Ý thức lấy ý thức làm kiến.

Ý thức làm sao có thể phân biệt như thế ?

Tương tự tất cả thức trần phân biệt sinh khởi.  
Trong đây có bài kệ như sau :

*Vào duy lượng chỉ hai,  
Người nói có nhiều thứ.  
Khi hiểu nghĩa duy thức,  
Thức vị cũng thoát ly.*

Có các sư nói cái ý thức này tùy theo các chỗ sở y sinh khởi mà có nhiều tên. Ví như tạo ý nghiệp, có tên thân nghiệp, khẩu nghiệp. Thức này ở nơi chỗ sở y, sinh các thứ tướng mạo, hiển hiện tựa như 2 pháp, một là hiển hiện tựa như trần, hai là hiển hiện tựa phân biệt. Ở mọi chỗ mọi nơi hiển hiện tựa như xúc. Nếu ở cõi có hình sắc thì ý thức y nơi thân sinh. Ví như các căn có hình sắc thì y nơi thân mà sinh. Trong đây có bài kệ như sau :

*Đi xa đi một mình,  
Không chỗ trú, ở hang.  
Điều phục khó điều phục,  
Thoát trói buộc của ma.*

Như kinh nói cảnh giới sở duyên của 5 căn như mắt v.v..., tất cả cảnh giới ý thức đều có thể thủ, có thể phân biệt, ý thức là nhân phát sinh ra

chúng. Lại có biệt thuyết và phân biệt thuyết. Trong thập nhị nhập, lục thức tự được gọi là ý nhập. Nơi đó an lập bản thức làm nghĩa thức. Trong đây nhất thiết thức được gọi là tướng thức, ý thức và y chỉ thức gọi là kiến thức. Bởi vì sao ? Vì tướng thức này là sinh nhân của kiến phần, hiển hiện tựa như trần, làm kiến phần sinh y chỉ. Các thức thành lập duy thức như vậy.

Làm sao biết các trần hiển hiện là chẳng phải thật có ?

Như Phật Thế Tôn nói nếu Bồ-tát tương ưng với 4 pháp có thể tìm thấy, có thể ngộ nhập tất cả là thức không có trần. Bốn pháp là những gì ? Một là biết thức tướng trái nhau. Ví như ngựa quý, súc sinh, người, trời cùng ở trong một cảnh giới nhưng do thấy biết có khác nhau. Hai là do thấy không có cảnh giới như ảnh trần của quá khứ, vị lai hay trong chiêm bao. Ba là do biết lìa công dụng mà không điên đảo nên thành. Ví như thật có trong trần, duyên trần khởi thức, sẽ không điên đảo nếu không dụng công, vì biết như thật. Bốn là do biết nghĩa tùy thuận 3 tuệ.

Làm sao tất cả Thánh nhân nhập quán như vậy được tâm tự tại ?

Vì do nguyện muốn tự tại, như muốn các trần hiển hiện. Nếu người tu quán đã được Xa-ma-tha, theo pháp quán gia hành, thì tùy theo tư duy hiển hiện. Nếu người được vô phân biệt trí chưa xuất quán vô phân biệt thì tất cả trần không hiển hiện.

Do nghĩa các cảnh giới v.v...tùy thuận 3 tuệ, do dẫn chứng trước mà thành tựu nghĩa duy thức. Cho nên biết chỉ có thức không có trần cảnh. Trong đây có 6 bài kệ làm rõ lại nghĩa trước. Sau kệ này, y vào trí giác sẽ phân biệt nói rộng.

## **LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA** **Quyển trung**

*Vô Trước Bồ-tát tạo luận  
Chân Đế Tam tạng dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

### **Phải biết thắng tướng 2**

Nếu duy thức tựa trần hiển hiện y chỉ, gọi là tính y tha, thì thành y tha như thế nào ? Nhân duyên gì gọi là y tha ?

Vì từ chúng tử tự huân tập sinh ra, thuộc nhân duyên trời buộc không được tự tại. Nếu sinh ra mà không có công năng gì, thì một sát-na sau sẽ tự tồn tại, nên gọi là y tha. Nếu phân biệt tính, thì kia là không thật có, tựa như trần hiển hiện.

Thế nào là thành phân biệt ? Vì nhân duyên gì gọi là phân biệt ?

Ý thức phân biệt vô lượng tướng mạo, điên đảo sinh nhân, nên thành phân biệt. Vì chỉ thấy phân biệt, mà không có tự tướng, nên gọi là phân biệt. Nếu là chân thật tính thì tính phân biệt kia không có cái gì làm tướng.

Thế nào là thành chân thật ? Vì nhân duyên gì gọi là chân thật ?

Vì như không có gì là không như thật, nên thành chân thật, do thành tựu cảnh giới thanh tịnh, do vượt trội hơn tất cả thiện pháp, thành tựu thắng nghĩa, nên gọi là chân thật.

Lại nữa, nếu có cái phân biệt và cái bị phân biệt thì thành tính phân biệt.

Trong này pháp nào gọi là cái phân biệt, pháp nào gọi là cái bị phân biệt và pháp nào gọi là tính phân biệt ?

Ý thức là phân biệt, nó có đủ 3 thứ phân biệt . Vì sao vậy ? Vì thức này tự huân tập làm chủng tử, và tất cả thức huân tập làm chủng tử, nên sinh ra vô số phân biệt, phân biệt khắp tất cả mọi chỗ mọi nơi, mà chỉ gọi là phân biệt nên có tên là phân biệt. Cái y tha này chỉ là cái bị phân biệt. Chính nó là cái nhân làm cho tính y tha thành cái bị phân biệt nên gọi là phân biệt tính.

Làm sao phân biệt có thể suy tính lượng đặc ?

Tính y tha này chỉ như là tướng của vạn vật là vin vào cảnh giới nào ? Chấp tướng mạo gì ? Làm sao quan sát thấy ? Duyên khởi như thế nào ? Giảng nói làm sao ? Làm sao tăng ích ?

Là vin vào các cảnh giới như danh v.v...trong tính y tha, do chấp trước tướng, do quyết đoán khởi kiến, do giác quán nói duyên khởi, do 4 thứ kiến chấp giảng nói, thật không có trần mà chấp là thật có là tăng ích. Do các nhân này nên phân biệt.

Ba chủng tính này như thế nào ? Khác nhau hay không khác nhau ? Chẳng phải khác hay chẳng phải không khác ?

Nên nói như thế này. Có nghĩa khác của tính y tha nên gọi là y tha. Có nghĩa khác nên đây

thành phân biệt. Có nghĩa khác nên đây thành chân thật.

Nghĩa khác gì gọi đây là y tha ?

Là từ chủng tử huân tập trói buộc vào cái khác.

Lại có nghĩa khác gì, đây thành phân biệt ?

Vì tính y tha này là nhân của phân biệt, là bị phân biệt nên thành phân biệt.

Lại vì nghĩa gì, đây thành chân thật ?

Cái tính y tha này thành chân thật là vì như cái bị phân biệt thật sự nó không thật có như nó bị phân biệt.

Lại nữa vì nghĩa gì mà do một thức này thành hình tướng tất cả các thức khác ?

Cái thức bản thức cùng với những cái khác sinh khởi bao nhiêu tướng mạo của thức, rồi lại nhân các tướng mạo này tiếp tục sinh khởi.

Tính y tha có mấy thứ ?

Lược nói có 2 thứ, một là nó thuộc chủng tử huân tập, hai là nó không nhất thiết thành tịnh phẩm hay bất tịnh phẩm. Vì vậy do hai tính chất này gọi nó là y tha.

Tính phân biệt cũng có 2 thứ, một là phân biệt về tự tính, hai là phân biệt về sự sai biệt.

Tính chân thật cũng có 2 thứ, một là thành tựu tự tính, hai là thành tựu thanh tịnh.

Lại nữa phân biệt cũng được chia thành 4 thứ, một là phân biệt về tự tính, hai là phân biệt về sự sai biệt, ba là có hiểu biết, bốn là không hiểu biết. Có hiểu biết nghĩa là có thể phân biệt hiểu rõ danh ngôn, chúng sinh. Không hiểu biết có nghĩa là không thể phân biệt hiểu rõ danh ngôn, chúng sinh.

Lại nữa phân biệt có 5 thứ : Một là dựa vào tên gọi mà phân biệt cái nghĩa, thí dụ như danh mục này là nghĩa này. Hai là dựa vào nghĩa mà phân biệt tên, thí dụ như nghĩa này là thuộc cái tên gọi này. Ba là dựa vào tên mà phân biệt với tên khác, thí dụ như phân biệt cái tên mà chưa biết nghĩa. Bốn là dựa vào nghĩa mà phân biệt với nghĩa khác, thí dụ phân biệt nghĩa của cái mà chưa biết tên. Năm là dựa vào phân biệt cả hai tên và nghĩa, thí dụ tên này, nghĩa này.

Nếu gồm trong tất cả phân biệt thì là nghĩa gì tên gì.

Lại có 10 thứ. Một là phân biệt căn bản, tức là bản thức. Hai là phân biệt tướng, tức sắc thức v.v... Ba là phân biệt dựa vào sự hiển thị, tức sự

hiểu biết dựa vào nhãn thức v.v... Bốn là phân biệt cái tướng biến đổi khác, tức như biến đổi khác thành già đi, các khổ thụ lạc thụ, các hoặc phiền não như dục v.v..., biến đổi về thời tiết, v..., biến đổi về các cõi như Địa ngục, Dục giới v.v... Năm là phân biệt dựa vào sự hiển thị các biến đổi, tức phân biệt sự biến đổi sinh khởi các biến đổi như trước đã nói. Sáu là phân biệt do từ cái khác dẫn đến, tức như do nghe mà phân biệt là chính pháp hay phi chính pháp. Bảy là phân biệt không đúng lý, tức sự phân biệt không đúng chính pháp của ngoại đạo đối với chính pháp. Tám là phân biệt đúng lý, tức như cái phân biệt của người trong chính pháp khi nghe chính pháp. Chín là phân biệt các chấp trước quyết đoán. Tức căn bản là sự tu duy không đúng về thân kiến và các phân biệt tương ưng với 62 kiến chấp. Mười là phân biệt tán động, tức 10 thứ tán động của Bồ-tát : một tán động không có tướng, hai tán động có tướng, ba tán động tăng ích, bốn tán động tổn giảm, năm tán động một chấp, sáu tán động khác chấp, bảy tán động phổ biến, tám tán động riêng biệt, chín tán động lấy nghĩa theo tên, mười tán động lấy tên theo nghĩa.

Để đối trị 10 thứ phân biệt tán động này, trong tất cả kinh giáo Bát-nhã Ba-la-mật, Phật Thế Tôn nói trí vô phân biệt có thể đối trị 10 thứ tán động này. Phải biết đầy đủ nghĩa của Kinh Bát-nhã ba-la-mật. Như Kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói :

Thế nào là Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật ? Nay Xá-lợi-phất ! Là Bồ-tát thật có Bồ-tát, không thấy có Bồ-tát, không thấy tên Bồ-tát, không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy không thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, , không thấy sắc, không thấy thụ tướng hành thức. Bởi vì sao ? Vì tự tính không. Chẳng phải do không không, thấy sắc không. Vì chẳng phải sắc, không có sắc, khác với không. Sắc tức là không, không tức là sắc. Bởi vì sao ? Xá-lợi-phất ! Đây chỉ là tên. Nói sắc là tự tính, không sinh không diệt không nhiễm không tịnh. Đối lại với tên giả lập phân biệt các pháp, do tên giả lập khách trần tùy nói là các pháp như như, tùy nói là như thị như thị, sinh khởi chấp trước. Tất cả những tên giả lập như thế Bồ-tát không thấy. Nếu không thấy không sinh chấp trước, như quán sắc cho đến thức cũng phải quán

như vậy. Do câu trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, phải tùy thuận tư duy 10 thứ nghĩa phân biệt. Nếu do ý riêng này mà tính y tha thành có 3 tính.

Ba tính ấy như thế nào ?

Tính có 3 sự khác nhau. Một là không thành nghĩa tướng tạp và không tướng tạp. Do đạo lý này mà tính này thành y tha. Hai là không do đây thành phân biệt và chân thật. Do đạo lý này mà tính này thành phân biệt. Ba là không do đây mà thành y tha và chân thật. Do đạo lý này mà tính này thành chân thật.

Không do đây mà thành y tha và phân biệt thì làm sao biết được tính y tha này ?

Do tính phân biệt hiển hiện pháp tương tự, không đồng thể với tính phân biệt. Vì trước khi chưa được tên thì theo nghĩa không được sinh trí. Nếu pháp thể và tên là một, thì trái với nghĩa này. Vì tên có nhiều, cho nên nếu tên và nghĩa là một, thì tên nhiều nghĩa cũng phải nhiều. Đây trái với nghĩa thể. Do tên không nhất định, thể đa tạp nên trái với nghĩa này. Ở đây có bài kệ nói rằng :

*Trước tên : không có trí,  
Tên nhiều, không nhất định.  
Nghĩa thành do đồng thể,*

*Đa tạp thể trái nhau.  
Pháp không hiển, tựa có,  
Không nhiệm mà có tịnh.  
Nên ví như ảo hóa,  
Cũng ví như hư không.*

Vì sao hiển hiện như vậy mà chẳng phải thật có ? Tính y tha nhất thiết chủng chẳng phải không có. Nếu không có tính y tha thì tính chân thật cũng không. Tất cả không là không đúng. Nếu không có tính y tha và tính chân thật thì có lỗi là không có phẩm nhiệm ô và thanh tịnh. Phải biết rằng hai phẩm này chẳng phải là không, cho nên chẳng phải tất cả đều không. Ở đây có bài kệ rằng :

*Nếu không tính y tha,  
Tính chân thật cũng không.  
Thế thì không hai phẩm :  
Nhiệm ô với thanh tịnh.*

Chư Phật Thế Tôn, trong Đại thừa nói Kinh Tì-phật-lược. Trong kinh này có nói : Nên biết tính phân biệt như thế nào ? Nên biết tính này là không có phẩm loại. Nên biết tính y tha như thế nào ? Nên biết tính này như các thí dụ trò ảo hóa, con nai khát nước, chiêm bao, bóng trong gương,

tiếng vang trong hang sâu, bóng trăng dưới nước v.v... Nên biết tính chân thật như thế nào ? Nên biết là 4 pháp thanh tịnh. Bốn pháp thanh tịnh của tính này là : Một là pháp này xưa nay tự tính thanh tịnh. Tức pháp giới chân thật như như, chân không, thật tế không có tướng. Hai là thanh tịnh không cấu uế. Tức pháp này ra khỏi tất cả khách trần cấu uế ngăn che. Ba là được chí đạo thanh tịnh. Tức tất cả pháp trợ đạo và các Ba-la-mật v.v... Bốn là đạo sinh cảnh giới thanh tịnh. Tức chính nói pháp Đại thừa. Bởi vì sao ? Vì điều nói đây là nhân thanh tịnh, cho nên chẳng phân biệt, từ pháp giới thanh tịnh lưu xuất nên chẳng y tha. Do 4 pháp thanh tịnh này bao gồm hết tất cả pháp thanh tịnh. Ở đây có bài kệ rằng :

*Như huyễn ...hiển y tha,  
Không hiển là phân biệt.  
Nếu nói 4 thanh tịnh,  
Đó là thuộc chân thật.  
Thanh tịnh do bản tính,  
Đạo vô cấu duyên duyên.  
Tất cả pháp thanh tịnh,  
Bốn thứ bao gồm hết.*

Vì nhân gì duyên gì là tính y tha ?

Như kinh nói các thí dụ về ảo hóa v.v...để làm rõ tính y tha, loại trừ các nghi hoặc hư vọng.

Những nghi hoặc hư vọng trong tính y tha sinh khởi như thế nào ?

Có các thuyết như thế này. Họ có tâm nghi ngờ hư vọng đối với tính y tha như thế này:

Nếu thật không có vật, vì sao thành cảnh giới ?

Để giải quyết nghi ngờ này nên nói thí dụ như ảo hóa.

Nếu không cảnh giới làm sao có tâm và tâm pháp sinh ra ?

Để giải quyết nghi ngờ này nên nói thí dụ như con nai khát nước.

Nếu thật không có trần thì làm sao có thụ dụng ái, phi ái ?

Để giải quyết nghi ngờ này nên nói thí dụ như tướng trong chiêm bao.

Nếu thật không có pháp, làm sao sinh quả báo ái phi ái của hai nghiệp thiện ác ?

Để giải quyết nghi ngờ này nên nói thí dụ như ảnh tượng.

Nếu thật không có pháp làm sao sinh khởi các chủng trí ?

Để giải quyết nghi ngờ này nên nói thí dụ bóng sáng.

Nếu thật không có pháp, làm sao khởi các thứ ngôn thuyết ?

Để giải quyết nghi ngờ này nên nói thí dụ như tiếng vang trong hang.

Nếu thật không có pháp, làm sao duyên pháp chân thật trong cảnh giới định tâm ?

Để giải quyết nghi ngờ này nên nói thí dụ trăng và nước.

Nếu thật không có pháp, vì sao chư Bồ-tát cố tạo tâm không điên đảo, thụ sinh trong sáu đường, làm các việc lợi tha ?

Để giải quyết nghi ngờ này nên nói thí dụ như biến hóa.

Trong Bà-la-môn Vấn Kinh có nói :

Thế Tôn dựa vào nghĩa nào nói điều này : Như Lai không thấy sinh tử không thấy Niết-bàn. Trong tính y tha, dựa vào tính phân biệt và dựa vào tính chân thật. Nói sinh tử là Niết-bàn là dựa vào nghĩa không sai biệt. Bởi vì sao ? Tính y tha này, do một phân phân biệt thành sinh tử, do một phân chân thật thành Niết-bàn.

Trong Kinh A-tì-đạt-ma, Phật Thế Tôn nói pháp có ba thứ : một là phần nhiệm ô, hai là phần thanh tịnh, ba là phần nhiệm ô và thanh tịnh.

Dựa vào nghĩa gì mà nói ba phần này ?

Trong tính y tha, tính phân biệt là phần nhiệm ô, tính chân thật là phần thanh tịnh, tính y tha là phần nhiệm ô và thanh tịnh. Dựa vào nghĩa đó mà nói ba phần.

Trong nghĩa này lấy gì làm thí dụ ?

Thí dụ như vàng trong đất. Nghĩa là thí dụ như trong đất có vàng. Ta thấy có 3 pháp : một là địa giới, hai là vàng, ba là đất. Trong địa giới này, đất chẳng phải thật có, cái hiển hiện thật có là vàng chứ không phải đất hiển hiện. Nếu dùng lửa nung luyện, đất sẽ không hiển mà tướng vàng tự hiển hiện. Trong địa giới này, khi đất hiển hiện là do tướng hư vọng hiển hiện. Khi vàng hiển hiện, đó mới là do tướng chân thật hiển hiện. Vì vậy địa giới này có 2 phần. Như bản thức này khi chưa được lửa vô phân biệt trí nung luyện thì thức này do tính phân biệt hư vọng hiển hiện, không do tính chân thật hiển hiện. Vì vậy nên cái thức của tính phân biệt hư vọng, tức tính y tha có 2 phần. Thí dụ như địa giới có vàng trong đất.

Lại nữa, có chỗ Thế Tôn nói tất cả pháp thường trú, có chỗ nói tất cả pháp là vô thường, có chỗ nói chẳng phải thường chẳng phải vô thường. Vậy dựa vào nghĩa gì nói là thường ?

Tính y tha này, do phần của tính chân thật nên nói thường trú, do phần của tính phân biệt nên nói vô thường, do phần của hai tính phi thường phi vô thường. Như dựa vào nghĩa này nói thường, vô thường và không phải cả hai. Cũng thế nói khổ, vui và không phải cả hai, thiện, ác và không phải cả hai, không, bất không và không phải cả hai, có ngã, không có ngã và không phải cả hai, tịnh, bất tịnh và không phải cả hai, hữu tính, vô tính và không phải cả hai, có sinh, không sinh và không phải cả hai, có diệt, không diệt và không phải cả hai, bản lai tịch tĩnh, không tịch tĩnh và không phải cả hai, bản lai Niết-bàn, phi Niết-bàn và không phải cả hai, sinh tử, Niết-bàn và không phải cả hai. Do các sai biệt như thế, Chư Phật Như Lai dựa vào nghĩa của mật ngữ, do 3 tính này, nên phải tùy trường hợp mà quyết định thường, vô thường như trên đã giải thích. Ở đây có bài kệ như sau :

*Như pháp thật chẳng có,*

*Như kia các thứ hiện.  
Do pháp này phi pháp,  
Nên nói nghĩa không hai.  
Dựa một phần nên nói,  
Hoặc hữu hoặc phi hữu.  
Dựa hai phần nên nói,  
Phi hữu, phi phi hữu.  
Như hiển hiện chẳng có,  
Cho nên nói hằng không.  
Như hiển hiện thật có,  
Cho nên nói chẳng không.  
Do tự thể phi hữu,  
Vì tự thể không trụ.  
Vì như thủ không có,  
Ba tính thành vô tính.  
Do vô tính nên thành,  
Trước là sau y chỉ.  
Không sinh diệt vốn lặng,  
Và tự tính Niết-bàn.*

Lại nữa có 4 ý và 4 y. Tất cả giáo pháp của Chư Phật Thế Tôn phải biết tùy trường hợp quyết định. Bốn ý là : Một, bình đẳng ý, ví như nói trong thời xa xưa ta tên Tì-bà-thi, thành Phật đã lâu. Hai, biệt thời ý, ví như nói nếu người trì tụng

đanh hiệu Phật Đa Bảo, chắc chắn sẽ không thoái đọa vô thượng Bồ-đề. Lại có thuyết nói do chỉ phát nguyện sinh về cõi Phật an lạc là đợc vãng sinh. Ba, biệt nghĩa ý, ví như nói phụng sự hằng sa chư Phật thì đợc hiểu rõ nghĩa của pháp Đại thừa. Bốn, chúng sinh lạc dục ý, ví như Như Lai trước vì một người khen ngợi sự bố thí, sau lại chê trách. Như thí giới và các tu pháp khác cũng vậy. Đó gọi là bốn ý.

Bốn y là : Một, dựa vào sự dẫn nhập, ví như trong Đại Tiểu thừa, Phật nói hai thứ nhân và pháp, hai tướng chung và riêng, đợc bao gồm trong tục đế. Hai, dựa vào tướng, ví như tùy chỗ nói pháp tướng, ắt có 3 tự tính. Ba, dựa vào đối trị, trong đây nói hành tướng đối trị phiền não của tám vạn bốn ngàn chúng sinh. Bốn dựa vào sự chuyển đổi, tức trong đây dùng ngôn từ với nghĩa riêng để làm rõ các thí dụ có nghĩa riêng. Như kệ nói :

*A sa ly sa la ma đa da,  
Tì bạt da tư giả tu hi đa,  
Li thi na giả tăng kha lí đa,  
La bàn để bồ đề vật đa ma.*

Nếu người muốn giải thích rộng pháp Đại thừa thì nói chung nên giải thích do 3 tướng này : một giải thích rộng thể tướng duyên sinh, hai giải thích rộng về việc dựa vào nhân duyên đã sinh thật tướng các pháp, ba rộng giải thích sự thành lập các nghĩa.

Giải thích rộng về thể tướng duyên sinh là như kệ nói các pháp do huân tập sinh, cái này từ cái kia, như quả báo thức này với sinh khởi thức làm nhân cho nhau sinh khởi.

Giải thích rộng về việc dựa vào nhân duyên đã sinh thật tướng các pháp là các pháp lấy sinh khởi thức làm tướng, hữu tướng và kiến thức làm tự tính. Lại nữa, các pháp y chỉ làm tướng, phân biệt làm tướng, pháp nhĩ làm tướng. Do đây mà nói thể tướng các pháp được hiển hiện trong ba tính. Như kệ nói :

*Từ có tướng có kiến,  
Mà biết pháp ba tướng.*

Làm sao có thể giải thuyết pháp tướng này ?

Ở nơi tính y tha, thật không có tính phân biệt, tính chân thật thì có. Do hai cái có và không có này mà chẳng phải chứng đắc với chứng đắc, chưa thấy chân lý và đã thấy chân lý, nơi chân

như đồng thời tự nhiên thành. Trong tính y tha vì không có tính phân biệt mà có tính chân thật cho nên nếu thấy cái kia thì không thấy cái này, nếu không thấy cái kia thì thấy cái này. Như kệ nói :

*Y tha không phân biệt,  
Mà chỉ có chân thật.  
Nên không được và được,  
Trong đó hai như nhau.*

Giải thích rộng về sự thành lập các nghĩa, ví như ban đầu nói các câu, rồi hiển thị phân biệt các câu khác, hoặc do y chỉ công đức, hoặc nhân y chỉ sự nghĩa. Y chỉ công đức là rộng nói công đức của Phật Thế Tôn :

1. Tuệ thanh tịnh cao tột
2. Không hai hạnh
3. Pháp vô tướng là chỗ dựa thù thắng
4. Ý hành trụ nơi Phật trụ
5. Đến được bình đẳng với chư Phật
6. Hành các hạnh vô ngại
7. Không thể phá hoại, không lay chuyển
8. Pháp không thể đổi khác
9. Cảnh không thể tư duy
10. Pháp được thành lập bình đẳng đến ba đời

11. Hiện thân khắp tất cả thế giới
12. Trí tuệ vô ngại đối với tất cả pháp
13. Tất cả hành tương ứng với trí tuệ
14. Đối với pháp, trí vô ngại
15. Không thể phân biệt thân
16. Trí tuệ tất cả Bồ-tát được thụ nhận
17. Đến chỗ Phật trụ không hai Ba-la-mật
18. Đến chỗ không sai biệt Như Lai giải thoát
19. Trí cứu cánh đã được vô biên Phật địa
20. Pháp giới bình đẳng là cõi hư không thù thắng
21. Tuệ thanh tịnh cao tột sau cùng

Như vậy câu đầu tiên đây do các câu khác lần lượt phân biệt giải thích. Được như vậy là đúng nghĩa thuyết pháp. Tuệ thanh tịnh cao tột là trí tuệ chư Phật Như Lai, là thanh tịnh, đối với tất cả pháp không gì không hiểu rõ.

Phải biết bản nghĩa này được bao gồm trong 21 công đức của Phật :

1. Công đức hành khởi tất cả không chướng ngại đối với pháp sở tri.

2. Công đức khiến nhập chân như rất thanh tịnh đối với tướng có, không và không hai.
3. Công đức trụ Phật vị, không do dụng công mà không bỏ sự nghiệp Như Lai.
4. Công đức y chỉ pháp thân và ý sự không sai biệt.
5. Công đức tu tập đối trị tất cả chương ngại.
6. Công đức hàng phục tất cả ngoại đạo.
7. Công đức sinh trong thế gian không bị pháp thế gian làm nhiễm ô.
8. Công đức an lập chính pháp.
9. Công đức trả lời các câu hỏi bằng bốn cách khéo léo.
10. Công đức hiển hiện ứng hóa thân trong tất cả thế gian.
11. Công đức giải quyết các hoài nghi của người khác.
12. Công đức do các hạnh có thể khiến người khác nhập vào diệu hạnh.
13. Công đức làm phát sinh trí tuệ đối với các pháp đời vị lai.

14. Công đức hiển hiện tùy theo sự mong muốn của chúng sinh.
15. Công đức giáo hóa chính pháp có thể làm chỗ nương tựa cho vô lượng chúng sinh.
16. Công đức thành tựu pháp thân bình đẳng Ba-la-mật.
17. Công đức tùy thuận chúng sinh hiển hiện cõi Phật thuần tịnh.
18. Công đức của ba thứ Phật thân không lìa không khác.
19. Công đức làm phát sinh lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh đến tận cùng sinh tử.
20. Công đức vô tận.
21. Nhân sự nghĩa y chỉ.

Như kinh nói nêu Bồ-tát tương ưng với 32 pháp mới gọi là Bồ-tát. Đó là :

1. Tương ưng với ý muốn cho tất cả chúng sinh lợi ích an vui, khiến nhập vào trí nhất thiết trí.
2. Tôi nay phải tương ưng trí này nơi đâu ?
3. Bỏ tâm cao mạn, giữ vững thiện ý.
4. Chẳng phải giả vờ thương xót.

5. Ý không tham sự đền ơn.
6. Bình đẳng đối với người thân hay không thân, hằng làm bạn tốt cho đến được Niết-bàn vô dư.
7. Nói năng vừa phải, vui vẻ cười nói trước.
8. Từ bi không khác đối với các chúng sinh.
9. Đối với việc làm không có tâm khiếp nhược thoái lui.
10. Tâm không mệt mỏi, nghe nghĩa lý không biết chán.
11. Thấy rõ tội lỗi mình làm, không che giấu.
12. Đối với tội người làm, không ngại chỉ bảo.
13. Luôn giữ tâm Bồ-đề trong tất cả oai nghi.
14. Làm bố thí không vì cầu quả báo.
15. Thụ trì cấm giới không chấp trước tất cả sự sợ hãi và đạo sinh.
16. Không ngại nhận nhục đối với tất cả chúng sinh.
17. Thực hành tinh tiến để gồm thâu tất cả thiện pháp.
18. Tu Tam-ma-đề diệt lìa định Vô sắc.
19. Tương ưng với trí phương tiện.
20. Bốn pháp nhiếp hóa tương ưng với mọi

phương tiện.

21. Đối với người giữ giới, phá giới đều coi như bạn lành không hai.
22. Đem tâm cung kính phụng sự thiện tri thức.
23. Đem tâm cung kính nghe pháp, an vui ở nơi A-lan-nhã.
24. Không sinh tâm an lạc đối với điều hy hữu của thế gian.
25. Không sinh tâm hỷ lạc đối với thừa giáo hạ phẩm.
26. Quán thật công đức đối với Đại thừa giáo.
27. Xa lìa bạn xấu, cung kính phụng sự bạn tốt.
28. Thường tu 4 thứ Phạm trụ, tu vô lượng tâm thanh tịnh.
29. Thường vận dụng 5 thần thông.
30. Thường thực hành dựa vào trí tuệ.
31. Đối với chúng sinh trụ chính hạnh hay không trụ chính hạnh cũng không có tâm lìa bỏ, gồm thu nhập vào Đại chúng.
32. Nói lời quyết định, tôn trọng sự thật, hạnh cung kính là trước tiên.

Tâm của Bồ-tát tương ưng với các pháp này thì gọi là Bồ-tát. Các câu trên đây, trước nên biết câu đầu tiên. Giải thuyết câu đầu tiên, có nghĩa là ý an vui lợi ích đối với tất cả chúng sinh. Nên biết rằng câu ý an vui lợi ích này lại có 16 câu làm rõ 16 nghiệp. Giải thuyết 16 nghiệp đó là : 1. nghiệp cố gắng làm, 2. nghiệp không đảo lộn, 3. nghiệp tự làm, không do cái gì khác, 4. nghiệp không thể hư nát, 5. nghiệp không cầu không dục. Nên biết nghiệp này có 3 câu giải thích : Không tham trả ơn. Đối với chúng sinh có ơn không có ơn không sinh tâm yêu ghét. Tùy thuận làm cho đến nhiều đời, tùy chỗ tương ưng nói nghiệp. Nên biết câu này có 2 câu giải thích : Nghiệp bình đẳng đối với chúng sinh khổ, vui và không hai. Nghiệp không hạ liệt. Nghiệp không thể khiến thoái chuyển. Nghiệp gồm phương tiện. Nghiệp nhằm chán và bị đối trị. Nên biết nghiệp này có 2 câu giải thích : Nghiệp tư lường không gián đoạn. Nghiệp tu hành thẳng tiến. Nên biết nghiệp này có 7 câu giải thích : Chính tu gia hành 6 Ba-la-mật. Nghiệp thành tựu phương tiện, cung kính thực hành 4 pháp nhiếp hóa chúng sinh. Nên biết nghiệp này có 6 câu giải thích : Phụng sự thiện

tri thức, lắng nghe chính pháp. Ở nơi A-lan-nhã. Xa lìa giác quán sai lầm. Công đức chính tư duy. Công đức này có 2 câu : Công đức phụng sự bạn lành. Có 2 câu : Nghiệp thành tựu. Nên biết có 3 câu giải thích : Trị vô lượng tâm thanh tịnh, được oai đức. Chứng đắc công đức, an lập tha nghiệp. Nên biết có 4 câu giải thích : Gồm thâm dẫn nhập vào Đại chúng, không tâm hoài nghi. Lập chính giáo học xứ. Pháp tài gồm cả hai, không có tâm nhiệm ô. Nên biết những câu này là giải thích câu nói đầu tiên. Ở đây có bài kệ như sau :

*Lấy câu nói đầu tiên,*

*Có các câu về đức.*

*Lấy câu nói đầu tiên,*

*Có các câu về nghĩa.*

### Phải biết nhập thẳng tướng 3

Như vậy đã nói phải biết thẳng tướng.

Thế nào là phải biết ngộ nhập thẳng tướng ?

Sự huân tập đa văn chẳng phải thuộc thức A-lê-da mà như A-lê-da huân thành chủng tử. Cái được đa văn huân tập đó thuộc chính tư duy,

tương tự pháp và nghĩa hiển hiện tướng sở sinh, tương tự chủng loại sở thủ, có ý thức phân biệt.

Ai là người có thể ngộ nhập thẳng tướng cần phải biết ?

Là người Đại thừa có đa văn huân tập liên tục, đã được phụng sự vô lượng chư Phật xuất thế, đã nhập chính vị quyết định tín lạc, do khéo thành thực tu tập tăng trưởng thiện căn. Vì vậy nên khéo được hai thứ tư lương phúc đức và trí tuệ.

Chư Bồ-tát nhập Duy thức quán ở đâu ?

Ý thức phân biệt có kiến tương tự pháp và nghĩa làm hiển tướng. Pháp tướng Đại thừa được sinh ra, nhập nơi nguyện lạc hành địa. Nghĩa là tùy theo nghe mà sinh tín lạc. Kiến đạo nghĩa là thông suốt đúng như lý. Tu đạo nghĩa là có thể đối trị tất cả chướng. Trong cứu cánh đạo, tất cả các pháp thật chỉ có thức. Như nói tùy chỗ nghe mà tín lạc, thông suốt đúng như lý, có thể đối trị tất cả chướng, xuất ly chướng cấu được thanh tịnh cao tột.

Làm sao có thể ngộ nhập ?

Do duy trì sức thiện căn. Do có 3 tướng mài luyện tâm. Do diệt trừ 4 chướng. Duyên pháp và

nghĩa làm cảnh. Tu tập không gián đoạn. Tu tập thành khẩn. Thiền quán không phóng túng. Mười phương thế giới không số lượng, không thể đếm kể số người mỗi sát-na mỗi sát-na chúng đấng vô thượng Bồ-đề. Đó gọi là mài luyện tâm thứ nhất. Do ý chí chân chính này mà bồ thí v.v... các Ba-la-mật ắt được sinh trưởng. Đó là tín lạc của ta đã được kiên trụ. Do ý chí chân chính này ta tu tập bồ thí v.v... các Ba-la-mật, tiến đến chỗ viên mãn chẳng khó khăn. Đó là luyện mài tâm thứ hai.

Nếu người cùng các thiện pháp tương ưng, sau khi xả thân mạng, trong tất cả cõi thụ sinh, sự yêu thích giàu có lạc thú tự nhiên thành. Người này còn được với nghĩa hữu ngại thiện.

Thế nào là ta được viên mãn thiện và vô ngại thiện ?

Tất cả sự như ý, yêu thích giàu có lạc thú sẽ không thành thì đó là luyện mài tâm thứ ba. Ở đây có bài kệ như sau :

*Chúng sinh trong cõi người,  
Sát-na chúng Bồ-đề.  
Nơi chón nhiều số lượng,  
Nên không tâm hạ liệt.  
Người thiện tâm tín lạc,*

*Có thể tu Lục độ.  
Thắng nhân có ý chí,  
Nên tu được Lục độ.  
Người lành khi mạng chung,  
Được giàu sang lạc thú.  
Quả diệt viên tịnh thiện,  
Nghĩa này sao lại không ?*

Do lìa bỏ cái tư duy của Thanh Văn, Độc Giác cho nên tà tư duy diệt. Trong Đại thừa sinh tín tâm và tâm quyết định rõ ràng nên diệt tất cả tà ý và sự hoài nghi. Trong các pháp được nghe và tư duy, lìa bỏ tà chấp về ngã và ngã sở. Vì vậy diệt trừ pháp chấp, an lập hiện tiền, trụ tất cả tướng tư duy không phân biệt, nên có thể diệt trừ phân biệt. Ở đây có bài kệ như sau :

*Hiện trụ và an lập,  
Tất cả tướng tư duy.  
Người trí không phân biệt,  
Nên được vô thượng giác.*

Do nhân gì, phương tiện gì được ngộ nhập ?

Do các chủng loại được đa văn huân tập, nhiếp thuộc trong chính tư duy, hiển hiện tựa như pháp và nghĩa, có kiến phần của ý thức phân biệt

thành ra có 4 thứ tầm tư. Đó là danh nghĩa tầm tư, tự tính tầm tư, sai biệt tầm tư và giả lập tầm tư.

Do 4 thứ như thật trí, tức là danh nghĩa, tự tính, sai biệt và như thật là 4 thứ không thể thủ đắc, nên Bồ-tát đã ngộ nhập, đã hiểu rõ các nghĩa này thì tu gia hành nhập Duy thức quán.

Trong pháp tu quán này ý thức phân biệt tựa danh tự ngôn thuyết và nghĩa hiển hiện, trong đó là tướng của danh tự ngôn thuyết. Chỉ có ý thức phân biệt được sự thông suốt này. Nghĩa này dựa vào danh ngôn, chỉ là ý thức phân biệt. Cũng như sự thông đạt này, danh nghĩa tự tính sai biệt này chỉ giả thuyết là lượng. Cũng như sự thông đạt này, tiếp đến trong địa vị này chỉ chứng đắc là duy ý thức phân biệt. Người tu quán này không thấy danh và nghĩa, không thấy tự tính, sai biệt, giả thuyết. Do thật tướng không được có nghĩa tự tính sai biệt. Đã do 4 thứ tầm tư và 4 thứ như thật trí, đối với ý thức phân biệt hiển hiện tựa danh và nghĩa mà được ngộ nhập lý Duy thức quán.

Trong lý Duy thức quán, ngộ nhập pháp gì ? Ngộ nhập như thế nào ?

Chỉ ngộ nhập duy lượng hai pháp tướng và kiến. Còn các thứ tướng mạo như danh, nghĩa, tự

tính của danh, sai biệt của danh, tự tính của nghĩa, sai biệt của nghĩa, 6 thứ tướng đều vô nghĩa, cho nên do đó nghĩa của năng thủ sở thủ là phi hữu. Một khi nó hiển hiện thì tương tự như các thứ tướng mạo và sinh khởi. Ví như trong tối, sợi dây hiện tựa con rắn. Do cái thấy con rắn nơi sợi dây là hư vọng không thật có cho nên nếu người đã biết rõ đây là sợi dây thì cái biết hoảng loạn là con rắn trước đó không duyên cảnh khởi, tức thì diệt mất, chỉ còn cái biết đó là sợi dây. Cái biết là sợi dây này nếu phân tích thật vi tế thì cũng không phải thật cảnh. Bởi vì sao ? Vì đó chỉ là tướng của sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nếu tâm duyên cảnh này thì cái biết là sợi dây cũng phải diệt mất. Nếu cái thấy này đã diệt thì 6 tướng hiển hiện tựa danh và nghĩa, cái biết về trần cảnh của ý thức phân biệt không sinh, ví như cái biết là con rắn. Đối với nghĩa 6 tướng diệt mất thì cái biết duy thức cũng phải diệt mất, ví như cái biết là sợi dây. Đó là vì y vào cái biết chân như vậy.

Như vậy Bồ-tát do ngộ nhập nghĩa tương tự hiển hiện tướng ý thức phân biệt, được nhập tính phân biệt. Do nhập nghĩa duy thức, được nhập tính y tha.

Còn thế nào là ngộ nhập tính chân thật ?

Nếu xả bỏ ý tưởng duy thức rồi, bấy giờ cái ý thức phân biệt là những chủng loại do đa văn đã huân tập, Bồ-tát đã hiểu rõ và diệt mất ý tưởng trần cảnh. Tương tự nhất thiết nghĩa hiển hiện, không sinh khởi duyên nữa nên không được sinh. Vì vậy tương tự ý thức phân biệt cũng không được sinh. Do nghĩa này, Bồ-tát chỉ trụ ở vô phân biệt. Trong nhất thiết nghĩa, do vô phân biệt trí được chứng đắc và được trụ pháp giới chân như. Bấy giờ Bồ-tát đã phát sinh trí vô phân biệt, bình đẳng, bình đẳng năng duyên với sở duyên. Do nghĩa này Bồ-tát được ngộ nhập tính chân thật. Ở đây có bài kệ như sau :

*Pháp nhân và pháp nghĩa,  
Tên tính có hẹp rộng.  
Bất tịnh, tịnh, cứu cánh,  
Cảnh sai biệt : mười tên.*

Như thế Bồ-tát do ngộ nhập Duy thức quán, được ngộ nhập thắng tướng. Do nhập tướng này, trước tiên được nhập Hoan hỷ địa, khéo thông đạt pháp giới, được sinh vào nhà Như Lai của mười phương chư Phật, được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Như vậy gọi là Bồ-tát kiến đạo.

Lại nữa vì sao Bồ-tát nhập Duy thức quán ?

Do duyên các pháp hết sức thông đạt làm cảnh và trí thiên quán xuất thế nên do trí vô phân biệt sau được các thứ tướng thức làm trí tướng nên vì diệt trừ tất cả chủng tử các pháp có nhân trong bản thức A-lê-da, vì sinh trưởng chủng tử các pháp có khả năng đạt tới pháp thân, vì chuyển y, vì được chính pháp của tất cả Như Lai, vì được trí nhất thiết trí, nên nhập Duy thức quán. Cái trí vô phân biệt, cái trí hậu sở đắc ở trong bản thức và cái thức sinh tất cả thức và trong tướng của tướng thức tựa như những thí dụ về ảo hóa, tự tính không điên đảo. Do ý nghĩa này, Bồ-tát cũng như nhà ảo thuật, đối với các trò ảo thuật tự biết rõ ràng không đảo lộn. Trong nhân duyên và quả đối với tất cả tướng, khi thuyết giảng thường không lệch lạc hay đảo lộn.

Bấy giờ khi nhập Duy thức quán, có 4 thứ Tam-ma-đề. Đó là 4 thứ thông đạt phần làm y chỉ cho thiện căn.

Bồ-tát phải thấy như thế nào ?

Do 4 thứ tâm tư, ở bậc hạ phẩm vô trần quán nhãn quang, được Tam-ma-đề. Đó là thiện căn thông đạt phần của noãn hành. Y chỉ vào tối

thượng phẩm vô trần quán nhãn quang, tăng thêm Tam-ma-đề. Đó là thiện căn thông đạt phần của đỉnh hành. Y chỉ vào 4 thứ trí như thật, BỒ-tát đã nhập vào Duy thức quán, hiểu rõ vô trần nên chính thức nhập vào một phần chân nghĩa thông hành Tam-ma-đề. Đó là tùy phi an lập để nhãn, y chỉ Tam-ma-đề này, sát-na sau cùng dẹp bỏ được tướng duy thức, đổi gọi tên là Vô gián Tam-ma-đề. Phải biết đây là pháp Thế đệ nhất. Y chỉ vào 4 thứ Tam-ma-đề, là phương tiện trước khi BỒ-tát nhập vào phi an lập để quán. Nếu BỒ-tát nhập sơ địa đã được kiến đạo như thế thì được thông đạt nhập duy thức.

Thế nào là BỒ-tát tu tập quán hạnh trong tu đạo vị ?

Như Phật đã nói rộng về pháp tướng được an lập. Trong 10 địa vị của BỒ-tát, do thâm nhiếp tất cả 12 bộ kinh Đại thừa Như Lai đã nói, nên được hiện tiền, do đối trị 2 cảnh thông và biệt đã được nói, do sinh khởi trí xuất thế vô phân biệt, duyên cực kỳ thông suốt các cảnh và trí vô phân biệt, trí thiên quán hậu sở đắc, do dựa vào sự tu tập không gián đoạn trong vô lượng vô số trăm ngàn câu-chỉ đại kiếp, do chỗ được chuyển y xưa và nay, vì

được 3 thứ Phật thân lại tu gia hành nên gọi là Thanh Văn kiến đạo, là BỒ-tát kiến đạo.

Hai thứ kiến đạo này khác nhau thế nào ?

Phải biết kiến đạo của BỒ-tát khác với Thanh Văn có 11 thứ. Mười một thứ là gì ? Một do khác cảnh giới. Nghĩa là BỒ-tát duyên pháp Đại thừa làm cảnh. Hai, do y chỉ khác nhau. Nghĩa là BỒ-tát dựa vào tư lương đại phúc đức trí tuệ làm y chỉ. Ba, do thông đạt khác nhau. Nghĩa là BỒ-tát thông suốt nhân và pháp cả hai là vô ngã. Bốn, do Niết-bàn khác nhau. Nghĩa là BỒ-tát lấy vô trụ xứ Niết-bàn làm trụ xứ. Năm, do địa vị khác nhau. Nghĩa là BỒ-tát lấy 10 địa làm quá trình xuất ly. Sáu và bảy, do tính thanh tịnh khác nhau. Nghĩa là BỒ-tát diệt phiền não tập khí và đối trị tịnh độ làm thanh tịnh. Tám, do tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh có khác nhau. Nghĩa là BỒ-tát vì thành thực chúng sinh không bỏ gia hành công đức thiện căn. Chín, do chỗ thụ sinh khác nhau. Nghĩa là BỒ-tát sinh vào nhà Như Lai gọi là sinh. Mười, do sự hiển hiện khác nhau. Nghĩa là BỒ-tát trong các đại tập hội của Phật tử, thường hiển hiện nhiếp thụ chính pháp. Mười một, do quả khác nhau. Nghĩa là BỒ-tát lấy các pháp của Như

Lại như 10 năng lực, 4 sự không khiếp sợ, 18 pháp không chung và vô lượng công đức làm quả. Ở đây có 2 bài kệ như sau :

*Danh, nghĩa, khách của nhau,  
Bồ-tát phải tâm tư.  
Phải quán hai duy lượng,  
Và hai giả thuyết kia.  
Từ đó sinh thật trí,  
Lìa trần ba phân biệt.  
Nếu thấy là phi hữu,  
Tức nhập ba vô tính.*

Lại có 2 bài kệ chính giáo, nói trong Luận Phân Biệt Du-già như sau :

*Bồ-tát ở trong định,  
Quán tâm chỉ là ảnh.  
Lìa bỏ tướng ngoại trần,  
Chỉ định quán tự tướng.  
Bồ-tát trụ nội tâm,  
Nhập sở thủ phi hữu.  
Rồi quán năng thủ không,  
Sau, xúc đều không được.*

Lại nữa trong Luận Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh có nói 5 bài kệ để làm rõ đạo lý này như sau :

*Bồ-tát sinh trưởng phúc và tuệ,  
Hai thứ tư lương không giới hạn.  
Với pháp tư duy tâm quyết định,  
Hiểu rõ nghĩa loại phân biệt nhân.  
Đã biết nghĩa loại là phân biệt,  
Thì trụ tựa nghĩa trong duy thức.  
Nên người tu quán chứng pháp giới,  
Lìa được hai tướng với hai không.  
Nếu biết lìa tâm không gì khác,  
Do đây liền thấy tâm phi hữu.  
Người trí thấy đây là không hai,  
Được trụ không hai chân pháp giới  
Vì người trí tuệ không phân biệt,  
Thường hành bình đẳng khắp tất cả.  
Giải thoát khỏi cấu uế đậm đặc,  
Như thuốc diệt trừ các độc chất.  
Phật khéo thành lập nói chính pháp,  
An tâm trong pháp giới hữu tướng.  
Đã biết ức niệm là phân biệt,  
Bờ biển công đức , người trí đến.*

**Nhập nhân quả thắng tướng 4**  
Như vậy đã nói về ngộ nhập thắng tướng.

Vậy làm sao biết là nhập nhân quả thắng tướng ?

Do 6 Ba-la-mật. Tức Đà-na Ba-la-mật, Thi-la Ba-la-mật, Sằn-đề Ba-la-mật, Tì-lê-da Ba-la-mật, Trì-ha-na Ba-la-mật và Bát-nhã Ba-la-mật.

Vì sao do 6 Ba-la-mật được nhập vào duy thức ? Và vì sao 6 Ba-la-mật thành nhân của duy thức quả ?

Đây là có các Bồ-tát ở trong chính pháp không có tâm đắm trước sự giàu có lạc thú, đối với giới luật không có ý phạm lỗi, đối với sự khổ không có tâm biến hoại, đối với việc tu thiện không có tâm lười biếng, vì không trụ trong các nhân tán loạn này nên thường thực hành nhất tâm, đúng như đạo lý chọn lọc các pháp, được nhập Duy thức quán. Do y chỉ nơi 6 Ba-la-mật, Bồ-tát đã nhập duy thức địa. Tiếp đến được thanh tịnh tín lạc, ý thức thâm nhiếp 6 Ba-la-mật. Vì vậy giả sử giữa chừng là 6 Ba-la-mật nhưng do công dụng gia hành, do tín lạc chính thuyết, ái trọng tùy hỷ nguyện được tư duy, cho nên thường xuyên không dừng nghỉ. Vì vậy mà tu tập 6 Ba-la-mật cứu cánh viên mãn. Ở đây có bài kệ như sau :

*Tu tập pháp viên bạch,  
Được cái nhãn sắc bén.  
Bồ-tát đời Đại thừa,  
Giảng nói rất sâu rộng.  
Giác ngộ chỉ phân biệt,  
Được trí không chấp trước.  
Là tín lạc thanh tịnh,  
Tức ý địa thanh tịnh.  
Bồ-tát trong dòng pháp,  
Trước sau thấy chư Phật.  
Đã biết gần Bồ-đề,  
Chứng đắc thật không khó.*

Vì sao chỉ lập có 6 Ba-la-mật ?

Vì đời trị 6 thứ hoặc chương, vì là chỗ dựa để sinh khởi tất cả Phật pháp, vì là chỗ dựa để tùy thuận thành thực tất cả chúng sinh.

Để đời trị cái nguyên nhân làm cho không phát tâm nên lập 2 Ba-la-mật là thí và giới. Nguyên nhân làm cho không phát tâm là do tham đắm tiền của nhà cửa. Đã phát tâm rồi, nhưng để đời trị nguyên nhân làm cho tâm yếu đuối muốn thoái lui, nên lập 2 Ba-la-mật là nhẫn và tinh tiến. Nguyên nhân làm cho tâm yếu đuối muốn thoái lui là chúng sinh trái nghịch sinh tử và mệt mỏi vì

thời gian dài gia hành tu tập thiện pháp. Nếu đã khởi phát tâm tu hành và không yếu đuối nhưng để đối trị cái nguyên nhân làm hư mất, nên lập 2 Ba-la-mật là định và tuệ. Nguyên nhân làm cho cái tâm hư mất là do tà trí tán loạn. Vì vậy cho nên để đối trị 6 thứ hoặc chương, nên lập ra có 6 Ba-la-mật.

Nói là chỗ dựa để sinh khởi tất cả Phật pháp nghĩa là 4 Ba-la-mật trước là nhân của không tán loạn. Tiếp 2 Ba-la-mật là thể của không tán loạn. Do y chỉ nơi không tán loạn mà có thể hiểu biết như thật chân lý các pháp. Chính pháp của tất cả Như Lai đều được sinh khởi, nên nói là chỗ dựa để sinh khởi tất cả Phật pháp. Lập 6 Ba-la-mật là làm chỗ y chỉ, để tùy thuận thành thực tất cả chúng sinh. Tức là do Thí Ba-la-mật, lợi ích chúng sinh. Do Giới Ba-la-mật, không tổn não chúng sinh. Do Nhẫn Ba-la-mật, có thể bình tĩnh cho chúng nhục mạ hủy báng mà không sinh tâm báo thù. Do Tinh tiến Ba-la-mật, sinh thiện căn phá ác căn. Do các nguyên nhân lợi ích này, tất cả chúng sinh đều được điều phục. Tiếp đến tâm chưa được vắng lặng thì làm cho vắng lặng. Đã được vắng lặng thì khiến cho giải thoát. Cho nên

lập 2 Ba-la-mật là định và tuệ. Do pháp Lục độ này Bồ-tát giáo hóa chúng sinh được thành thực tốt. Vì vậy để làm chỗ y chỉ cho tất cả chúng sinh tùy thuận được thành thực nên lập ra có 6 Ba-la-mật.

Làm sao thấy được tướng của 6 Ba-la-mật này ?

Do 6 thứ Ba-la-mật vượt trội hơn cả. Có 6 tướng chung : 1. Do chỗ y chỉ vượt trội, không gì sánh được. Tức y chỉ vô thượng Bồ-đề mà khởi tâm. 2. Do phẩm loại vượt trội, không gì so sánh được. Tức mỗi mỗi Ba-la-mật đều có 3 phẩm, Bồ-tát đều tu hành đầy đủ. 3. Do việc làm vượt trội, không gì so sánh được. Tức làm việc an vui lợi ích tất cả chúng sinh. Bồ-tát thực hành các Ba-la-mật đều vì thành tựu 2 việc này. 4. Do phương tiện vượt trội, không gì so sánh được. Tức Bồ-tát dùng trí không phân biệt thực hành các Ba-la-mật. Tất cả đều thuộc trí không phân biệt. 5. Do hồi hướng vượt trội, không gì so sánh được. Tức Bồ-tát thực hành các Ba-la-mật để hồi hướng vô thượng Bồ-đề, quyết định chuyển đến quả Nhất thiết trí. 6. Do thanh tịnh vượt trội, không gì so sánh được. Tức vĩnh viễn diệt trừ không để sót 2

chương phiền não và sở tri. Bồ-tát thực hành các Ba-la-mật từng phần từng phần diệt trừ 2 chương cho đến khi diệt được hết tất cả.

Thí tức là Ba-la-mật, hay Ba-la-mật tức là thí ư ?

Có cái thí không phải Ba-la-mật. Có Ba-la-mật không phải thí. Có cái thí là Ba-la-mật. Có cái không phải thí không phải Ba-la-mật. Như trong Thí có 4 câu thì nên biết trong các Ba-la-mật khác cũng có 4 câu.

Vì sao nói Ba-la-mật theo thứ tự như thế ?

Vì các Ba-la-mật trước tùy thuận thứ tự phát sinh các Ba-la-mật sau. Lại nữa các Ba-la-mật trước được các Ba-la-mật sau làm cho thanh tịnh.

Vì dựa vào nghĩa gì lập tên 6 Ba-la-mật ? Làm sao thấy được nghĩa này ?

Vì trong các căn lành của Thanh Văn, Độc Giác trong tất cả thế gian, Thí v.v...là vượt trội hơn cả không gì so sánh được. Cho nên 6 pháp này có thể đưa đến bờ kia. Vì vậy thông thường gọi là Ba-la-mật. Có khả năng tiêu diệt sự bần sần đói kỹ và sự nghèo cùng hạ tiện, nên gọi là Đà. Lại được giàu có sung túc, có khả năng dẫn đến phúc đức tư lương, nên gọi là Na. Có khả năng

làm lặng yên các tà hạnh và đường ác, nên gọi là Thi. Lại có thể khiến được con đường thiện và chính định, nên gọi là La. Có khả năng diệt trừ sự giận dữ, lòng phẫn uất hận thù, nên gọi là Sần. Lại có thể tạo được hòa khí giữa mình và người, nên gọi là Đề. Có khả năng diệt trừ tính biếng nhác và các pháp ác, nên gọi là Tì-lê. Lại không luông tuồng phóng đãng, sinh trưởng vô lượng thiện pháp, nên gọi là Da. Có khả năng diệt trừ sự loạn tâm, nên gọi là Trì-ha. Lại có thể dặt cái tâm trụ vào nội cảnh, nên gọi là Na. Có khả năng diệt trừ tất cả kiến chấp sai lầm và các tà trí, nên gọi là Bát-la. Có thể duyên chân tướng, tùy phẩm loại mà biết tất cả pháp, nên gọi là Nhã.

Nên biết phải tu tập các pháp Ba-la-mật như thế nào ?

Đại khái nên biết phải tu tập 5 việc : 1. tu phương pháp gia hành. 2. tu tín lạc. 3. tu tư duy. 4. tu phương tiện thắng trí. 5. tu làm các việc lợi tha. Trong đây nên biết 4 pháp tu trước giống như trước đã nói. Còn tu hạnh lợi tha là chư Phật dùng cái tâm vô công dụng, không bỏ sự nghiệp Như Lai, tu tập các Ba-la-mật cho đến địa vị viên mãn rồi lại tu các Ba-la-mật.

Lại nữa tu tập tư duy là quý trọng cái nguyện tùy hỷ, tư duy 6 ý. Tu tư duy 6 ý là : 1. ý tưởng rộng lớn. 2. ý tưởng trường kỳ. 3. tâm ý hoan hỷ. 4. ý tưởng về ân đức. 5. ý tưởng về chí lớn. 6. ý tưởng thiện hảo.

Ý tưởng rộng lớn là nếu Bồ-tát trải qua bao nhiêu kiếp A-tăng-kì có thể chứng vô thượng Bồ-đề, trong thời gian ấy Bồ-tát mỗi một sát-na thường xả thân mạng và của cải bảy báu chứa đầy trong thế giới nhiều như cát sông Hằng, bố thí cúng dường Như Lai, từ lúc mới phát tâm cho đến khi trụ vào cứu cánh Bồ-đề thanh lương, mà ý Bồ-tát ấy còn cho là chưa đủ. Lại cũng trong thời gian ấy, từng mỗi sát-na mỗi sát-na lửa cháy đầy cả 3 ngàn Đại thiên thế giới, Bồ-tát ở trong đó vì 4 oai nghi đi đứng nằm ngồi, lìa bỏ tất cả phương tiện cung ứng cho đời sống, mà tâm Bồ-tát vẫn hằng hiện tiền tu giới, nhân, tinh tiến, Tam-ma-đề, Bát-nhã, cho đến trụ vào cứu cánh Bồ-đề thanh lương, mà Bồ-tát ấy vẫn cho là việc tu giới, nhân v.v...cũng chưa đầy đủ, tâm không biết chán. Đó gọi là ý tưởng rộng lớn của Bồ-tát.

Nếu Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến thành Phật, không bỏ cái tâm không biết chán, đó gọi là ý tưởng trường kỳ của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát do 6 Ba-la-mật làm các việc lợi tha, thường sinh vô cùng hoan hỷ, hơn cả tâm vui mừng của chúng sinh được lợi ích, đó gọi là tâm ý hoan hỷ của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát hành 6 Ba-la-mật làm lợi ích chúng sinh rồi, thấy chúng sinh đối với mình có ân đức lớn, nhưng tự thân không thấy mình có ơn gì với các chúng sinh kia, đó là ý tưởng về ân đức của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát có các thiện căn công đức từ 6 Ba-la-mật sinh ra, thì đem bồ thí hồi hướng cho tất cả chúng sinh bằng tâm không chấp trước, để khiến chúng được quả báo đáng ái trọng, đó là ý chí lớn lao của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát đem các thiện căn công đức do thực hành 6 Ba-la-mật, khiến tất cả chúng sinh đều được hồi hướng vô thượng Bồ-đề một cách bình đẳng, đó là ý tưởng thiện hảo của Bồ-tát.

Do 6 tâm ý này gồm trong tư duy trân trọng, Bồ-tát tu tập. Nếu Bồ-tát tùy hỷ vô lượng chư Bồ-tát, tu hành gia hành 6 tâm ý, sinh các thiện căn công đức. Như vậy gọi là 6 tâm ý của Bồ-tát gồm trong tùy hỷ tư duy. Nếu Bồ-tát nguyện cho tất cả

chúng sinh tu hành 6 tâm ý gồm trong 6 Ba-la-mật, và nguyện tự mình tu hành 6 tâm ý gồm trong 6 Ba-la-mật, tu tập gia hành cho đến khi thành Phật, đó gọi là 6 tâm ý của Bồ-tát gồm trong nguyện được tư duy. Nếu người được nghe 6 tâm ý gồm trong tư duy tu tập của Bồ-tát, sinh một niềm tín tâm, người này sẽ tập hợp được vô lượng vô biên phúc đức. Các ác nghiệp chướng đều tiêu diệt sạch. Nếu người chỉ được nghe, còn được vô lượng vô biên phúc đức, huống chi là Bồ-tát có thể tu hành tất cả.

Làm sao biết được sự sai biệt của các Ba-la-mật ?

Do mỗi Ba-la-mật đều có 3 phẩm nên biết sự sai biệt.

Ba phẩm của Thí là : 1.bố thí chính pháp, 2. bố thí tài vật, 3.làm cho an tâm không sợ hãi.

Ba phẩm của Giới là : 1.gìn giữ giới luật, 2.gồm giữ các pháp lành, 3.gồm các việc làm lợi ích chúng sinh.

Ba phẩm của Nhẫn là : 1.nhẫn chịu sự chê bai hủy báng, 2.bình tĩnh nhẫn chịu sự khổ, 3.nhẫn chịu để quan sát pháp.

Ba phẩm của Tinh tiến là : 1.siêng năng tinh tiến, 2.gia hành tinh tiến, 3.tinh tiến không sợ khó khăn thất bại thiếu thốn.

Ba phẩm của Định là : 1.định trụ tâm an lạc, 2. định dẫn phát thần thông, 3.định tùy lợi tha.

Ba phẩm của Bát-nhã là : 1.Bát-nhã vô phân biệt gia hành, 2.Bát-nhã vô phân biệt, 3.Bát-nhã vô phân biệt hậu đắc.

Phải biết các nghĩa của Ba-la-mật nhiếp thuộc lẫn nhau như thế nào ?

Tất cả các pháp lành đều nhập vào 6 Ba-la-mật làm tính. Chúng là thành quả của 6 Ba-la-mật, cho nên tất cả pháp lành tùy theo đó được thành tựu.

Phải biết những gì bị Ba-la-mật đối trị ?

Gồm tất cả các hoặc, là thứ bị Ba-la-mật đối trị. Vì đối trị là bản tính của Ba-la-mật, là sinh nhân và cũng là thành quả.

Phải biết những gì là công đức của các Ba-la-mật ?

Nếu Bồ-tát luân chuyển trong sinh tử thì sẽ sinh vào nơi giàu có, tự tại, sinh vào nơi thiện thắng, có đông quyến thuộc, thành tựu sự nghiệp lớn, không bị nã hại, ít ham muốn, thông minh

tất cả công nghệ, mọi sự như ý, lấy sự giàu có an vui lợi ích chúng sinh làm chính. BỒ-tát tu hành công đức Lục độ cho đến khi trụ vào cứu cánh BỒ-đề thanh lương, hằng không đổi khác.

Phải biết các Ba-la-mật làm sáng tỏ lẫn nhau như thế nào ?

Thế Tôn hoặc dùng tên Thí mà nói các Ba-la-mật, hoặc dùng tên Giới, hoặc dùng tên Nhẫn, hoặc dùng tên Tinh tiến, hoặc dùng tên Định, hoặc dùng tên Bát-nhã nói các Ba-la-mật.

Như Lai vì ý gì nói như thế ?

Vì trong phương tiện tu hành Ba-la-mật, tất cả các Ba-la-mật đều quy tụ hỗ trợ mà thành. Đó là ý Như Lai nói. Ở đây có một bài kệ tự thuyết như sau :

*Vị số theo thứ tự,  
Tên, tu tập, sai biệt,  
Đối trị và công đức,  
Lục độ rõ nghĩa nhau.*

## **LUẬN NHIỆP ĐẠI THỪA** **Quyển hạ**

*Vô Trước Bồ-tát tạo luận  
Chân Đế Tam tạng dịch  
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Nhập nhân quả tu sai biệt thắng tướng 5  
Như vậy là đã nói về nhập nhân quả thắng tướng.

Thế nào là nhập nhân quả tu sai biệt ?

Đây là do 10 địa, tức 10 thứ bậc tu chứng của Bồ-tát. Mười địa là những gì ? 1. Hoan hỷ địa, 2. Vô cầu địa, 3. Minh diệm địa, 4. Thiêu nhiên địa, 5. Nan thắng địa, 6. Hiện tiền địa, 7. Viễn hành địa, 8. Bất động địa, 9. Thiện tuệ địa 10. Pháp vân địa.

Làm sao biết nghĩa của sự thành lập 10 địa này ?

Là vì đối trị 10 thứ vô minh chướng ngại ở các địa. Có 10 thứ vô minh che chắn, nên 10 tướng của pháp giới không hiển lộ được.

Những gì là 10 tướng có khả năng làm hiển lộ pháp giới ? Ở địa đầu tiên, do nghĩa phổ biến khắp tất cả nên biết pháp giới. Ở địa thứ hai do nghĩa tối thắng, ở địa thứ ba do nghĩa thắng lưu, ở

địa thứ tư do nghĩa không nhiếp thụ, ở địa thứ năm do nghĩa tiếp nối không khác, ở địa thứ sáu do nghĩa không nhiễm tịnh, ở địa thứ bảy do nghĩa các pháp không sai biệt, ở địa thứ tám do nghĩa không tăng giảm, ở địa thứ chín do nghĩa định tự tại y chỉ, độ tự tại y chỉ, trí tự tại y chỉ, ở địa thứ mười do nghĩa nghiệp tự tại y chỉ, do Đà-la-ni môn, Tam-ma-đề môn tự tại y chỉ, nên biết pháp giới. Ở đây có bài kệ như sau :

*Nghĩa biến khắp, tối thắng,  
Thắng lưu và không nhiếp,  
Không khác, không nhiễm tịnh,  
Các pháp không sai biệt,  
Không tăng giảm bốn thứ,  
Nghĩa tự tại y chỉ,  
Nghiệp tự tại y chỉ,  
Tổng trì, Tam-ma-đề.*

Nên biết đây là 2 bài kệ trong Luận Trung Biên Phân Biệt. Lại nữa nên biết vô minh này đối với Nhị thừa thì không phải nhiễm ô nhưng đối với Bồ-tát đó là nhiễm ô.

Vì sao địa đầu tiên gọi là Hoan hỷ ? Vì do mới có được công năng làm lợi ích cho mình và người. Vì sao địa thứ hai tên là Vô cầu ? Vì ở địa

này xa lìa hết mọi sự vi phạm như bản đối với giới BỒ-tát. Vì sao địa thứ ba gọi là Minh diệm ? Vì do không thoái chuyển Tam-ma-đề và y chỉ Tam-ma-bạt-đề, y chỉ ánh sáng chính pháp. Vì sao địa thứ tư gọi là Thiêu nhiên ? Vì do các pháp trợ BỒ-đề có khả năng đốt cháy tất cả chướng ngại. Vì sao địa thứ năm gọi là Nan thắng ? Vì khiến tương ưng nhau hai trí chân và tục thường trái nghịch khó kết hợp. Vì sao địa thứ sáu gọi là Hiện tiền ? Vì do 12 nhân duyên sinh trí y chỉ, có khả năng làm Bát-nhã Ba-la-mật hiển hiện trước mắt. Vì sao địa thứ bảy gọi là Viễn hành ? Vì ở địa vị này, BỒ-tát đã đi đến giới hạn cuối cùng của hạnh có dụng công. Vì sao địa thứ tám gọi là Bất động ? Vì công dụng của tất cả các tướng và tác ý đều không còn hoạt động. Vì sao địa thứ chín gọi là Thiện tuệ ? Vì y chỉ nơi trí tuệ và biện tài vô ngại vượt trội. Vì sao địa thứ mười gọi là Pháp vân ? Vì duyên cảnh chung, biết tất cả pháp, tất cả Đà-la-ni và Tam-ma-đề môn là bao trùm tất cả như mây trong hư không che trùm các chướng ngại, có thể viên mãn pháp thân.

Làm sao biết được tướng các địa ?

Biết được do 4 thứ tướng : Một là do đã được tướng tín lạc. Tức đối với mỗi địa mỗi địa quyết định sinh tin và yêu thích. Hai là do đã được tướng chính hành. Tức được cùng các địa tương ứng với 10 pháp chính hành. Ba là do đã được tướng thông đạt. Tức trước ở địa đầu tiên khi thông suốt chân như pháp giới thì đều có thể thông suốt tất cả địa. Bốn là đã được tướng thành tựu. Tức tu hành đã đến chỗ cứu cánh của 10 địa này.

Làm sao biết chư Bồ-tát tu như thế nào đối với tướng của các địa ?

Trước hết trong mỗi địa mỗi địa chư Bồ-tát tu tập Xa-ma-tha và Tì-bát-xá-na. Mỗi thứ đều tu tập 5 tướng mới thành. Những gì là 5 ? Một là tu tập chung tất cả. Hai là tu vô tướng. Ba là tu không dụng công. Bốn là tu với tất cả sự mạnh mẽ. Năm là tu không cảm thấy đủ. Nên biết ở tất cả các địa đều có 5 pháp tu này. Năm pháp tu này sinh ra 5 quả. Những gì là 5 ? Một là mỗi sát-na có thể hoại diệt tất cả chỗ dựa của các pháp thô nặng. Hai là có được pháp lạc, có thể thoát ra khỏi các thứ loạn tướng. Ba là có thể thấy mọi nơi, vô lượng, tướng không phân biệt, của ánh

sáng thiện pháp. Bốn là tướng phân biệt các pháp, chuyển thành phần thanh tịnh, thường xuyên liên tục sinh, làm thành tựu viên mãn pháp thân. Năm là ở trong thượng phẩm, chuyển tăng làm nhân duyên tụ họp cho thượng thượng phẩm.

Ở trong 10 địa, BỒ-tát theo thứ tự tu 10 Ba-la-mật. Ở 6 địa trước có 6 Ba-la-mật như đã nói. Ở 4 địa sau có 4 Ba-la-mật. Một là Âu-hòa-câu-xá-la Ba-la-mật. Đây là công đức thiện căn do 6 Ba-la-mật sinh ra và nuôi lớn. Tất cả đem thí cho chúng sinh một cách bình đẳng, hồi hướng cho tất cả chúng sinh đến vô thượng BỒ-đề. Hai là Ba-ni-tha-na Ba-la-mật. Pháp ba-la-mật này có thể dẫn phát tất cả các nguyện, cảm đến sinh duyên Lục độ đời vị lai. Ba là Bà-la Ba-la-mật. Tức do năng lực tư duy lựa chọn và năng lực tu tập làm cho các Ba-la-mật có sức đối trị, có thể liên tục sinh trưởng không gián đoạn. Bốn là Nhã-na Ba-la-mật. Ba-la-mật này có khả năng thành lập trí của 6 Ba-la-mật trước, có thể khiến chư BỒ-tát được thụ pháp lạc trong Đại pháp hội và thành thực chúng sinh. Nên biết 4 Ba-la-mật sau này là phần đạt được sau của trí vô phân biệt, tóm thâu tất cả Ba-la-mật. Và trong tất cả các địa không tu tập

đồng thời. Nên biết các nghĩa của pháp môn này được hiển thị rộng từ trong Kinh Ba-la-mật Tạng.

Qua bao nhiêu thời gian tu tập 10 địa, được chính hành viên mãn ?

Có 5 hạng người tu hành trong 3 A-tăng-kì kiếp thì viên mãn. Hoặc cũng có 7 A-tăng-kì kiếp, hoặc 33 A-tăng-kì kiếp.

Năm hạng người là những người nào ?

Người tu hành nguyện, mãn 1 A-tăng-kì kiếp. Người tu hành thanh tịnh ý, người tu hành hữu tướng, người tu hành vô tướng, trong địa thứ 6 đến địa thứ 7, mãn A-tăng-kì kiếp thứ hai. Từ đây về sau người tu hành vô công dụng, cho đến địa thứ 10, mãn A-tăng-kì kiếp thứ ba.

Lại nữa thế nào là 7 A-tăng-kì kiếp ?

Địa tiền có 3 địa, giữa có 4 địa. Trước 3 đó là : một Bất định A-tăng-kì, hai Định A-tăng-kì, ba Thụ ký A-tăng-kì. Giữa có 4 đó là : một Y thật đế A-tăng-kì, hai Y xả A-tăng-kì, ba Y tịch tĩnh A-tăng-kì, bốn Y trí tuệ A-tăng-kì.

Lại nữa thế nào là 33 A-tăng-kì ?

Đó là, trong Phương tiện địa có 3 A-tăng-kì : 1. Tín hành A-tăng-kì, 2. Tinh tiến hành A-tăng-kì, 3. Thú hướng hành A-tăng-kì. Trong 10 địa,

mỗi địa mỗi địa đều có 3 A-tăng-kì là Nhập, Trụ và Xuất. Trải qua các A-tăng-kì tu hành 10 địa như vậy thì chính hành viên mãn.

*Có thiện căn, nguyện lực,  
Kiên tâm, tiến, tăng thượng.  
Ba thứ A-tăng-kì,  
Là chính hành thành tựu.*

### Y giới học thắng tướng 6

Như vậy là đã nói về nhập nhân quả tu sai biệt.

Thế nào là y giới học sai biệt ?

Nên biết như được nói trong Phẩm : BỒ-tát địa chính thụ BỒ-tát giới. Nói đại lược có 4 thứ sai biệt về giới BỒ-tát. Những gì là 4 ? 1. Sai biệt về phẩm loại, 2. Sai biệt về chỗ học có chung và không chung, 3. Sai biệt về sự rộng lớn, 4. Sai biệt về tính sâu xa.

Sai biệt về phẩm loại có 3 thứ : 1. Giới nhiếp chính hộ, 2. Giới nhiếp thiện pháp, 3. Giới nhiếp lợi ích chúng sinh. Trong đây nên biết giới nhiếp chính hộ là y chỉ vào 2 giới : giới nhiếp thiện pháp là y chỉ Phật pháp mà sinh khởi, giới nhiếp

lợi ích chúng sinh là y chỉ vào sự làm thành thực chúng sinh. Giới về chỗ học chung là giới BỒ-tát phải xa lìa tính tội. Giới về chỗ không học chung là giới BỒ-tát phải xa lìa các chế tội được lập ra. Trong giới này hoặc có trường hợp với Thanh Văn thì có tội nhưng với BỒ-tát thì không tội. Hoặc có trường hợp với BỒ-tát thì có tội nhưng với Thanh Văn thì không tội.

BỒ-tát có 3 phạm đối trị thân, miệng và ý làm giới. Thanh Văn chỉ có đối trị thân và miệng làm giới. Vì vậy BỒ-tát có phạm tội nơi tâm địa. Còn Thanh Văn thì không có chuyện này.

Nếu nói đại lược các nghiệp về thân, miệng, ý có thể tạo lợi ích cho chúng sinh mà không có tội lỗi thì đó là những nghiệp mà BỒ-tát phải học tập và tu hành. Như vậy là phải biết sự sai biệt giữa giới chung và không chung.

Sai biệt về rộng lớn, có 4 thứ cần phải biết, vì đó là 4 thứ rộng lớn : 1. Rộng lớn vì học xứ có nhiều loại và nhiều vô lượng, 2. Rộng lớn vì có thể gồm thâu vô lượng phúc đức, 3. Rộng lớn vì gồm thâu tất cả những gì làm an lạc lợi ích chúng sinh, 4. Rộng lớn vì là chỗ dựa để đi đến vô thượng BỒ-đề.

Sai biệt về tính sâu xa là BỒ-tát do thực hành trí phương tiện thù thắng mà làm 10 việc như sát sinh v.v...mà không nhiễm ô trước tội lỗi, sinh vô lượng phúc đức, mau được quả vô thượng BỒ-đề, lại còn có các biến hóa nơi thân khẩu nghiệp. Nên biết đó là giới sâu xa của BỒ-tát. Do giới này có khi BỒ-tát ở ngôi vị quốc vương, hoặc hiện các hình thức bức bách làm khổ não, để đặt chúng sinh vào trong giới luật, hoặc hiện các chuyện bản sinh, làm bức bách khổ não người khác và bị bức não đối oán, để khiến chúng thương yêu nhau, an tâm làm việc lợi ích. Trước tiên làm cho chúng phát khởi tín tâm, sau khiến chúng thành thực thiện căn trong ba thừa Thánh đạo. Đó gọi là giới sai biệt sâu xa của BỒ-tát.

Do 4 thứ sai biệt đây, nên biết đó là nói sơ lược về BỒ-tát trì giới sai biệt. Lại nữa do 4 thứ sai biệt này lại còn có số sai biệt không thể tính kể của giới BỒ-tát, như có nói trong Kinh Tì-na-da-cù-sa Tì-phật-lược.

## Y tâm học thắng tướng 7

Như vậy là đã nói về y giới học sai biệt.

Thế nào là y tâm học sai biệt ?

Nói sơ lược là do 6 thứ sai biệt. Những gì là 6 ? 1.Cảnh sai biệt, 2.Chủng loại sai biệt, 3.Đôi trị sai biệt, 4.Tùy dụng sai biệt, 5.Tùy dẫn sai biệt, 6.Sự sai biệt.

Cảnh sai biệt là do duyên pháp Đại thừa làm cảnh mà khởi.

Chủng loại sai biệt là như Đại thừa quang, Tập phúc đức vương Tam-ma-đề, Hiền hộ Tam-ma-đề, Thủ-lăng-già-ma Tam-ma-đề v.v... gồm thâu các thứ phẩm loại Tam-ma-đề.

Đôi trị sai biệt là do duyên tất cả pháp làm cảnh chung của trí tuệ. Như dùng một cây nôm để làm phương tiện lấy cây nôm khác ra. Như rút tất cả các chương thô trọng trong bản thức ra vậy.

Tùy dụng sai biệt là trong đời hiện tại an lạc trụ trong Tam-ma-đề đã lâu, có thể tùy ý thụ sinh nơi thắng xứ.

Tùy dẫn sai biệt là có thể dẫn xuất vô ngại các thứ thần thông trong tất cả thế giới.

Do sự sai biệt là khiến phát ra ánh sáng đầy khắp, thị hiện chuyển biến đi về, xa làm gần, chuyển thô thành tế, biến tế thành thô, khiến tất cả sắc đều nhập vào trong thân, tựa như đồng loại

nhập vào trong đám đông, hoặc hiện hoặc ẩn, đủ 8 thứ tự tại chống lại thần lực của người khác, hoặc làm cho người khác có tại hùng biện và nghĩ nhớ niềm vui, hoặc phóng ra ánh sáng có khả năng dẫn xuất đủ các tướng đại thần thông, có thể hướng dẫn tất cả các chính hạnh khó làm, vì có thể gồm thâu 10 thứ chính hạnh khó tu.

Mười thứ chính hạnh khó tu ấy là những gì ? Một là tự nhận lấy những điều khó tu, vì tự nhận thiện nguyện Bồ-đề. Hai là không thể tránh thoát những điều khó tu, do các khổ sinh tử không làm thoái chuyển. Ba là không làm trái những điều khó tu, do đối trị các chúng sinh chuyên làm ác. Bốn là những điều khó tu trước mắt, như kẻ thù oán mà vẫn phải làm tất cả những việc lợi ích cho họ. Năm là khó tu không ô nhiễm, nghĩa là Bồ-tát sinh trong thế gian, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Sáu là khó tu tín lạc, nghĩa là thực hành Đại thừa sâu thẳm, mà có thể tin và yêu thích nghĩa lý rộng sâu. Bảy là khó tu thông đạt, vì khó thông suốt được nhân và pháp cả hai là vô ngã. Tám là khó tu tùy giác, tức đối với các kinh không liễu nghĩa sâu xa của chư Phật Như Lai, có thể phán đoán đúng như lý. Chín là khó tu vì

không lìa bỏ mà không nhiễm, tức không bỏ sinh tử mà không bị sinh tử làm nhiễm ô. Mười là khó tu gia hành, như chư Phật Như Lai giải thoát tất cả chướng, trụ trong chỗ không dụng công, có thể làm việc lợi ích tất cả chúng sinh, gia công tu hành cho đến tận cùng sinh tử.

Trong khó tu tùy giác có nói chư Phật Như Lai nói kinh không liễu nghĩa. Ý ấy như thế nào ?

Nghĩa là Bồ-tát phải tùy theo lý, quán sát mà hiểu. Như kinh nói :

Thế nào là Bồ-tát không tổn một vật, không thí cho một người ?

Là nếu Bồ-tát thực hành tốt việc bố thí vô lượng vô số, trong mười phương thế giới hạnh tu bố thí liên tục sinh khởi.

Thế nào là Bồ-tát thích làm việc bố thí ?

Là nếu Bồ-tát không thích làm tất cả bố thí.

Thế nào là Bồ-tát hành tâm tín thí ?

Là nếu Bồ-tát không hành tín tâm chư Phật Như Lai.

Thế nào là Bồ-tát phát hạnh bố thí ?

Là nếu Bồ-tát đối với việc bố thí không tự mình sách tiến.

Thế nào là BỒ-tát hằng vui vẻ tự tại trong việc bố thí ?

Là nếu BỒ-tát không có lúc bố thí.

Thế nào là BỒ-tát làm việc đại bố thí ?

Là nếu BỒ-tát đối với bố thí lìa tướng Sa-la.

Thế nào là BỒ-tát thanh tịnh đối với bố thí ?

Là nếu BỒ-tát tham tiếc Uất-ba-đề..

Thế nào là BỒ-tát có thể trụ nơi bố thí ?

Là nếu BỒ-tát không trụ cứu cánh sau cùng.

Thế nào là BỒ-tát tự tại đối với bố thí ?

Là nếu BỒ-tát không được tự tại đối với bố thí.

Thế nào là BỒ-tát vô tận đối với thí ?

Là nếu BỒ-tát không trụ trong vô tận, như Thí Kinh nói. Đối với giới cho đến Bát-nhã đúng lý nên biết như vậy.

Lại có kinh nói :

Thế nào là BỒ-tát hành sát sinh ?

Là nếu BỒ-tát có thân mạng, chúng sinh đoạn dứt sự tương tục ấy.

Thế nào là BỒ-tát đoạt lấy, không phải được người cho.

Là nếu BỒ-tát tự đoạt lấy, không phải người khác và chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát hành tà dâm ?

Là nếu Bồ-tát khởi ý tà đối với dục trần v.v...

Thế nào là Bồ-tát có thể nói vọng ngữ ?

Là nếu Bồ-tát là vọng thì có thể nói là vọng.

Thế nào là Bồ-tát nói hai lưỡi ?

Là nếu Bồ-tát thường trụ nơi không tịch cùng  
cực.

Thế nào là Bồ-tát có thể trụ Ba-lưu-sư ?

Là nếu Bồ-tát trụ sở tri bỉ ngạn.

Thế nào là Bồ-tát có thể nói lời không tương  
ung ?

Là nếu Bồ-tát có thể phân phá các pháp, tùy  
loại giải thích.

Thế nào là Bồ-tát hành A-tì-trì-ha-lâu ?

Là nếu Bồ-tát thường thường khiến tự thân  
được các định vô thượng.

Thế nào là Bồ-tát khởi tâm ganh ghét làm  
hại ?

Là Bồ-tát đối với tâm địa mình và người có  
thể làm hư hại các hoặc.

Thế nào là Bồ-tát khởi tà kiến ?

Là nếu Bồ-tát như lý quán sát khắp các nơi  
hành tà tính.

Lại có kinh nói :

Phật pháp rất sâu. Rất sâu như thế nào ?

Trong luận này tự phân biệt rộng :

-Tất cả Phật pháp, thường trú là tính, vì pháp thân thường trú.

-Tất cả Phật pháp đều đoạn là tính, vì tất cả chương đều đoạn hết.

-Tất cả Phật pháp, sinh khởi là tính, vì hóa thân hằng sinh khởi.

-Tất cả Phật pháp, năng đắc là tính, vì năng đắc cùng hành với đối trị 8 vạn 4 ngàn phiền não của chúng sinh.

-Tất cả Phật pháp, hữu dụng là tính, vì chúng sinh hữu dụng yêu thích giữ lấy khiến thành tự thể.

-Tất cả Phật pháp, có sân giận là tính.

-Tất cả Phật pháp, có si là tính.

-Tất cả Phật pháp, phàm phu là tính.

-Tất cả Phật pháp, không nhiễm trước là tính, vì thành tựu chân như, tất cả chương không thể nhiễm.

-Tất cả Phật pháp, không thể nhiễm trước. Chư Phật xuất hiện ra đời, chẳng có pháp thế gian nào có thể nhiễm.

Vì vậy nói Phật pháp là rất sâu. Vì tu hành Ba-la-mật. Vì thành thực chúng sinh. Vì thanh

tịnh cõi Phật. Vì dẫn khởi và thâm giữ tất cả Phật pháp. Bồ-tát nên biết nghiệp Tam-ma-đề sai biệt.

### Y tuệ học thắng tướng 8

Như vậy là đã nói về y định học sai biệt.

Thế nào là nên biết về y tuệ học sai biệt ?

Là do tự tính của trí vô phân biệt, như y chỉ tướng mạo cảnh giới duyên khởi, lập cứu nạn, nhiếp trì, trợ bạn, quả báo, đẳng lưu, xuất ly, cứu cánh, hành thiện, gia hành, công đức trí vô phân biệt, trí hậu đắc, gia hành không sai biệt, trí vô phân biệt hậu đắc, thí dụ, uy đức, không công dụng, tác sự, nghĩa sâu xa. Vì vậy phải biết y tuệ học sai biệt.

Do y tuệ học sai biệt, phải biết trí vô phân biệt sai biệt. Tự tính của trí vô phân biệt là phải biết là 5 thứ tướng. Năm tướng là : 1. Là phi tư duy, 2. Là chỗ phi giác quán, 3. Là diệt tướng thụ định vắng lặng, 4. Là tự tính của sắc, 5. Trong nghĩa chân thật, là phân biệt khác. Đó là 5 tướng tách rời khỏi trí. Phải biết đó là trí vô phân biệt. Những điều nói đây là tính của trí vô phân biệt. Cho nên có bài kệ như sau :

Tự tính các Bồ-tát,  
Tách rời năm thứ tướng.  
Tính trí vô phân biệt,  
Chân như vô phân biệt.  
Y chỉ các Bồ-tát,  
Phi tâm, phi phi tâm.  
Là trí vô phân biệt.  
Chẳng thuộc loại tư lường.  
Nhân duyên các Bồ-tát,  
Có nói nghe huân tập,  
Là trí vô phân biệt.  
Như lý chính tư duy.  
Cảnh giới các Bồ-tát,  
Là pháp tính ly ngôn.  
Là trí vô phân biệt.  
Chân như , hai vô ngã.  
Tướng mạo các Bồ-tát,  
Ở trong cảnh chân như,  
Là trí vô phân biệt.  
Không tướng, không sai biệt.  
Tương ưng nghĩa tự tính,  
Sở phân biệt, chẳng khác.  
Chữ chữ kết hợp nhau,  
Làm thành nghĩa tương ưng.

*Trí tuệ ly ngôn thuyết,  
Đôi sở tri không khởi.  
Không giống như ngôn thuyết,  
Tất cả đều ly ngôn.  
Nhiếp trì của Bồ-tát,  
Là trí vô phân biệt.  
Hành trì hậu đắc này,  
Làm sinh trưởng cứu cánh.  
Trợ bạn của Bồ-tát,  
Là nói ra 2 đạo.  
Là trí vô phân biệt.  
Của 5 ba-la-mật.  
Quả báo của Bồ-tát,  
Hai Phật hội viên mãn.  
Là trí vô phân biệt,  
Do gia hành đạt tới.  
Quả đẳng lưu Bồ-tát,  
Sinh trong các đời sau.  
Là trí vô phân biệt,  
Do lần lần tăng lên.  
Chư Bồ-tát xuất ly,  
Vì được thành tương ưng.  
Là trí vô phân biệt,  
Nơi 10 địa nên biết.*

*Chư Bồ-tát cứu cánh,  
Do được tịnh 3 thân.  
Là trí vô phân biệt,  
Được tự tại tối thượng.  
Như hư không chẳng nhiễm,  
Trí vô phân biệt này,  
Các thứ ác nghiệp nặng,  
Nhờ tín lạc được chuyển.  
Như hư không thanh tịnh,  
Trí vô phân biệt này,  
Giải thoát tất cả chướng,  
Do được và thành tựu.  
Như hư không chẳng nhiễm,  
Là trí vô phân biệt,  
Nếu xuất hiện ra đời,  
Pháp thế gian chẳng nhiễm.  
Như người câm muốn biết,  
Như người câm có biết,  
Như người không câm biết,  
Ba trí ví như vậy.  
Như người ngu muốn biết,  
Như người ngu có biết,  
Như người không ngu biết,  
Ba trí ví như vậy.*

*Như 5 thức muốn biết,  
Như 5 thức được biết,  
Như ý thức được biết,  
Ba trí ví như vậy.  
Như chưa biết muốn biết,  
Như khi đọc được biết,  
Như biết được ý nghĩa,  
Ba trí ví như vậy.  
Như người lúc nhắm mắt,  
Vô phân biệt cũng vậy,  
Như người lúc mở mắt,  
Trí hậu đặc cũng vậy.  
Hư không vô phân biệt,  
Không nhiễm ngại khác bên,  
Như hư không sắc hiện,  
Trí hậu đặc cũng vậy.  
Như Ma-ni, tróng trời,  
Vô tư thành tự sự.  
Không phân biệt như thế,  
Các thứ Phật sự thành.  
Chẳng phải đây mà đây,  
Chẳng phải trí mà trí.  
Vời cảnh không sai biệt,  
Trí là vô phân biệt.*

*Phật nói tất cả pháp,  
Tự tính không phân biệt.  
Sở phân biệt : không,  
Vô phân biệt cũng không.*

Trong đây có 3 thứ vô phân biệt : 1.Gia hành vô phân biệt, 2.Trí vô phân biệt, 3.Hậu trí vô phân biệt.

Gia hành vô phân biệt có 3 thứ là do nhân duyên, dẫn thông và sức tập nhiều lần mà sinh khởi sai biệt.

Trí vô phân biệt cũng có 3 thứ là biết đủ, không điên đảo và không hý luận. Đó là sai biệt của vô phân biệt. Trí vô phân biệt hậu đắc có 5 thứ là thông đạt, ức trì, thành lập, tương tạp và như ý hiển thị sự sai biệt để thành lập trí vô phân biệt. Lại nói kệ như sau :

*Nga quý, súc sinh, người,  
Chư thiên, tùy thích ứng.  
Một cảnh do tâm khác,  
Mà thành cảnh giới kia.  
Trong quá khứ, vị lai,  
Như hai ảnh chiêm bao.  
Trí duyên cảnh phi hữu,  
Đây không chuyển làm cảnh.*

*Nếu trần thành ra cảnh,  
Không trí vô phân biệt.  
Như vậy không Phật quả,  
Không có chuyện như thế.  
Bồ-tát được tự tại,  
Do thực thi nguyện lực,  
Muốn gì cũng như ý,  
Người được định cũng vậy.  
Người thành tựu giải trạch,  
Người có trí được định.  
Trong tư duy các pháp,  
Như nghĩa được hiện tiền.  
Khi tu vô phân biệt,  
Các nghĩa không hiển hiện.  
Phải biết không có trần,  
Do đó thức cũng không.*

Trí vô phân biệt này tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Khác tên mà nghĩa như nhau. Như kinh nói : Nếu Bồ-tát trụ Bát-nhã Ba-la-mật, do phi xứ tu hành có thể tu tập viên mãn các Ba-la-mật khác.

Thế nào là phi xứ tu hành có thể viên mãn các Ba-la-mật khác ?

Nghĩa là lìa 5 chỗ : 1.Lìa chỗ chấp ngã của ngoại đạo, 2.Lìa chỗ phân biệt của Bồ-tát chưa

thấy chân thật, 3.Lìa hai đôi lập của sinh tử và Niết-bàn, 4.Lìa ý tưởng chỉ diệt trừ hoặc chương là đủ, 5.Lìa chỗ trụ vô dư Niết-bàn không thấy việc lợi ích chúng sinh.

Trí tuệ Thanh Văn với trí tuệ Bồ-tát khác biệt nhau thế nào ?

Phải biết khác biệt là do không phân biệt uẩn và các pháp môn, do chẳng phải một phần khác biệt về thông suốt hai không chân như, nhập vào tướng nhất trí sở tri, y chỉ vào tất cả việc lợi ích chúng sinh, do không trụ nơi sai biệt, mà trụ ở Niết-bàn vô trụ xứ, do thường khác biệt về Niết-bàn vô dư, không rơi vào đoạn diệt cùng tận, do khác biệt về nghĩa vô thượng, thật không có một thừa nào khác vượt hơn Đại thừa này. Ở đây có bài kệ như sau :

*Do trí, 5 sai biệt,  
Y đại bi tu phúc.  
Phú lạc thể xuất thế,  
Nói đây là chẳng xa.*

Nếu trên thế gian này thật có Bồ-tát thì cũng có thể biết được. Nếu Bồ-tát y vào giới đình tuệ học, nhóm họp công đức, nên có 10 thứ tự tại, đối

với tất cả việc lợi tha có khả năng đạt được sự thù thắng vượt trội.

Trong thế gian, làm sao thấy chúng sinh gặp khổ nạn nặng ?

Do Bồ-tát thấy chúng sinh kia tạo nghiệp có thể cảm khổ báo, chướng ngại quả vui thù thắng. Do Bồ-tát thấy thế, nếu thí cho chúng điều kiện an vui thì sẽ chướng ngại việc phát sinh thiện pháp. Do Bồ-tát thấy chúng không an vui thì có thể hiện ra cảnh chán ghét sinh tử. Do Bồ-tát thấy nếu thí cho chúng sự an vui thì đó là nhân duyên làm hại bao nhiêu vô lượng chúng sinh khác.

Cho nên chẳng phải Bồ-tát không có năng lực làm được như vậy. Và trong thế gian cũng có hiển hiện những chúng sinh như vậy. Ở đây có bài kệ như sau :

*Thấy nghiệp chướng ngại thiện,  
Hiện ra điều chán ghét.  
Sợ hại chúng sinh kia,  
Mà Bồ-tát chẳng thí.*

Học quả tịch diệt thắng tướng 9  
Như vậy là đã nói về y tuệ học sai biệt.

Thế nào là tịch diệt sai biệt ? Chư Bồ-tát diệt hoặc, tức là Niết-bàn vô trụ xứ. Tướng ấy như thế nào ?

Lìa bỏ hoặc và không lìa bỏ sinh tử. Chuyển y hai chỗ dựa làm tướng. Trong đây sinh tử là tính y tha, một phần bất tịnh phẩm làm thể. Niết-bàn là tính y tha, một phần tịnh phẩm làm thể. Còn bản y là tính y tha, gồm đủ hai phần tịnh phẩm và bất tịnh phẩm. Chuyển y là tính y tha lúc khởi lên sự đối trị. Do phần bất tịnh phẩm thì luôn luôn biến đổi bản tính. Do phần tịnh phẩm thì luôn luôn thành bản tính. Chuyển y này, nếu nói đại lược có 6 thứ : Một là chuyển y bằng cách tăng thêm sức mạnh làm tổn giảm năng lực. Nghĩa là do sức mạnh của tùy tín, lạc vị trụ, văn, huân tập, lại thêm có sự hỗ trợ, làm cho phiền não tổn giảm, hiện hành yếu ớt hoặc vĩnh viễn không hiện hành.

Hai là chuyển y do sự thông suốt. Nghĩa là các Bồ-tát đã đăng địa, do chân thật hư vọng hiện hiện làm năng lực chuyển từ sơ địa đến địa thứ sáu.

Ba là chuyển y bằng sự tu tập. nghĩa là người chưa lìa chướng thì tất cả các tướng không hiện

hiện chân thật. Y hiển hiện thì đây chuyển từ địa thứ bảy đến địa thứ mười.

Bốn là chuyển y bằng quả viên mãn. Nghĩa là người đã lìa chướng thì tất cả tướng không hiển hiện, thanh tịnh chân thật hiển hiện đến được tất cả tướng tự tại.

Năm là chuyển hạ liệt. Nghĩa là do Thanh Văn thông suốt nhân vô ngã cho nên cứ một mực nghịch sinh tử mà vĩnh viễn lìa bỏ sinh tử.

Sáu là chuyển một cách rộng lớn. Nghĩa là Bồ-tát thông suốt pháp vô ngã, quán công đức vắng lặng cho nên là xả bỏ mà không xả bỏ.

Nếu Bồ-tát chuyển vị thành thấp kém thì có lỗi gì ?

Lỗi không quán sát sự lợi ích chúng sinh, xa lìa pháp Bồ-tát, chỉ được giải thoát như những kẻ hạ thừa thấp kém.

Các Bồ-tát nếu chuyển vị ở chuyển y rộng lớn thì có công đức gì ?

Đó là ở trong pháp sinh tử, do tự chuyển y làm chỗ dựa nên được tự tại. Trong tất cả các nẻo đường sinh tử, có thể hiện tất cả thân hình. Trong sự giàu có lạc thú thế gian và trong ba thừa, do phương tiện giáo hóa thù thắng có thể an lập

chúng sinh vào trong chính giáo. Đó là công đức của chuyên y rộng lớn. Ở đây có bài kệ như sau :

*Phàm phu, chân thật che,  
Còn hư vọng hiển lộ.  
Bồ-tát chỉ một bề,  
Bỏ hư, hiển chân thật.  
Không hiển hiện, hiển hiện,  
Hư vọng và chân thật,  
Là Bồ-tát chuyên y,  
Giải thoát được như ý.  
Với sinh tử, Niết-bàn,  
Nếu như khởi trí tuệ,  
Sinh tử tức Niết-bàn,  
Hai, không có đây kia.  
Cho nên với sinh tử,  
Không bỏ, không không bỏ.  
Với Niết-bàn cũng vậy,  
Không được, không không được.*

Trí sai biệt thắng tướng 10  
Như vậy đã nói về tịch diệt sai biệt.  
Thế nào là nên biết trí sai biệt ?

Do Phật có ba thân nên biết trí sai biệt. Ba thân là tự tính thân, thụ dụng thân và biến hóa thân.

Tự tính thân là pháp thân của chư Như Lai. Y chỉ tự tại đối với các pháp.

Thụ dụng thân là các cõi quốc độ của chư Phật, hiển hiện nơi y chỉ của bậc giác ngộ. Thụ dụng thân này lấy pháp thân làm y chỉ, là cõi thanh tịnh của chư Phật, là nhân thụ dụng thụ lạc pháp Đại thừa.

Biến hóa thân là lấy pháp thân làm y chỉ, từ trời Đâu-suất-đà hiện thân thụ sinh, thụ học, thụ dục trần, xuất gia, đến tu khổ hạnh với ngoại đạo, chứng vô thượng Bồ-đề, chuyển pháp luân, nhập Đại Niết-bàn các việc.

Chư Phật Như Lai có tướng pháp thân như thế nào ?

Nếu nói sơ lược có 5 thứ. Ở đây có nói bài kệ Uất-đà-na như sau :

*Tướng chứng được tự tại,  
Y chỉ và nhiếp trì,  
Sai biệt đức rất sâu,  
Phật thân niệm nghiệp rõ.*

Năm tướng là : Một là pháp thân chuyên y làm tướng. Tức tất cả chướng và phần bất tịnh phẩm, tính y tha diệt rồi, giải thoát tất cả chướng, được tự tại đối với tất cả pháp, là phần tính thanh tịnh, tính y tha chuyên y làm tướng.

Hai là pháp bạch tịnh làm tướng. Nghĩa là do Lục độ viên mãn, nơi pháp thân được 10 thứ tự tại làm tướng. Những gì là mười ? 1.Thọ mạng tự tại, 2.Tâm tự tại, 3.Của cải tự tại, ba tự tại này do Thí độ viên mãn mà thành tựu, 4.Nghiệp tự tại, 5.Sinh tự tại, hai tự tại này do Giới độ viên mãn mà thành tựu, 6.Dục lạc tự tại, đây do Nhẫn độ viên mãn mà thành tựu, 7.Nguyện tự tại, do Tinh tiến độ viên mãn mà thành tựu, 8.Thông tuệ tự tại, đây gồm trong ngũ thông, do Định độ viên mãn mà thành tựu, 9.Trí tự tại, 10.Pháp tự tại, hai tự tại này do Bát-nhã Ba-la-mật viên mãn mà được thành tựu.

Ba là không hai làm tướng, do không có hai tướng có không, tất cả pháp là vô sở hữu, không tướng chẳng không làm tướng. Lại nữa hữu vi vô vi không hai làm tướng, vì chẳng phải hoặc nghiệp hợp lại sinh ra, do được tự tại có thể hiển hiện làm tướng. Lại nữa, một khác không hai làm

tướng, vì chư Phật Như Lai y chỉ không khác, do vô lượng y chỉ có thể chứng. Ở đây có bài kệ như sau :

*Vì không còn ngã chấp,  
Trong không có y khác.  
Như trước nhiều y chứng  
Giả nói là chẳng một.  
Tính hành khác, chẳng rộng,  
Viên mãn không có đầu.  
Vì chẳng một, không khác,  
Chẳng nhiều, y chân như.*

Bôn là thường trụ làm tướng. Nghĩa là vì chân như thanh tịnh, vì nguyên xưa dẫn phát rất mạnh, vì việc đúng phải làm chưa rốt ráo.

Năm là không thể nghĩ bàn làm tướng. Vì chân như thanh tịnh chỉ có trí tự chứng mới biết, không có thí dụ, chẳng phải chỗ thực hành giác quán.

Lại nữa pháp thân này làm sao chứng đắc ?

Được từ tiếp xúc đầu tiên, do duyên tướng tạp Đại thừa làm cảnh. Trí vô phân biệt, trí vô phân biệt hậu đắc tu 5 tướng thành thực, ở tất cả các địa khéo tập hợp tư lương, có thể phá các chướng vi tế khó phá. Kim cương thí tam-ma-đề

tức sau Tam-ma-đề này diệt lìa tất cả chướng.  
Lúc bấy giờ do y chỉ chuyển thành chứng đắc.

Pháp thân này trong đó có bao nhiêu tự tại được tự tại ?

Nói đại lược trong đó có 5 tự tại được tự tại :

Tự tại thứ nhất là Tịnh độ, hiển thị tự thân, tướng hảo, âm thanh vô biên, vô kiến đỉnh tướng, do y chuyển sắc uẩn.

Tự tại thứ hai là không mất vô lượng đại an lạc trụ, do chuyển y thụ uẩn.

Tự tại thứ ba là chính thuyết tất cả danh, cú văn thân, do chuyển y sự chấp tướng sai biệt của tướng uẩn.

Tự tại thứ tư là biến hóa, cải đổi, dẫn nhiếp đại hội, dẫn nhiếp bạch tịnh phẩm, do sự chuyển y của hành uẩn.

Tự tại thứ năm là hiển rõ trí bình đẳng, trí diệu quan sát, trí thành sở tác, do chuyển y thức uẩn.

Pháp thân này y chỉ bao nhiêu pháp ?

Nếu nói đại lược chỉ có ba. Đó là chỗ y chỉ các trụ xứ của chư Phật Như Lai. Ở đây có bài kệ như sau :

*Chư Phật Như Lai năm tính hỷ,*

*Đều do đấng chứng pháp giới tính.  
Nhi thừa không có do không chứng,  
Muốn được thì phải chứng Phật  
giới.*

*Do hay vô lượng làm Phật sự,  
Do pháp mỹ vị muốn được thành.  
Đạt được tối thắng mà không mất,  
Chư Phật hằng thấy bốn vô tận.*

Các thứ thụ dụng thân y chỉ là thiện căn thành thực chư Bồ-tát. Các thứ hóa thân y chỉ là nhiều thiện căn thành thực Thanh Văn, Độc Giác.

Có bao nhiêu thứ Phật pháp gồm trong pháp thân này ?

Nếu nói đại lược có 6 thứ :

Một là pháp thanh tịnh do chuyển y thức A-lê-da, do chứng được pháp thân.

Hai là quả báo, do chuyển y hữu sắc căn, do chứng được quả báo thắng trí.

Ba là trụ loại, do chuyển y thụ hành dục trần, do trụ vô lượng trí tuệ.

Bốn là tự tại, do chuyển y các nghiệp, thâm nhiếp bình đẳng tự tại, do trí lực thông tự tại vô ngại trong tất cả mười phương thế giới.

Năm là ngôn ngữ, do chuyên y ngôn ngữ của tất cả sự thấy nghe hay biết, do trí tuệ tự tại có thể nói đúng đắn khiến thỏa mãn tất cả tâm chúng sinh.

Sáu là cứu tế, do chuyên y ý cứu giúp tất cả tai họa lỗi lầm, do trí tuệ tự tại cứu giúp tai họa lỗi lầm tất cả chúng sinh.

Như thế 6 pháp này được gồm thâu trong pháp thân chư Phật Như Lai.

Pháp thân chư Phật có thể nói là có sai biệt hay không sai biệt ?

Do chỗ y chỉ, ý lạc, dụng nghiệp thì không khác, nên phải biết là không sai biệt. Nhưng do về sự, có vô lượng chính giác, nên phải biết là có sai biệt.

Như pháp thân, thụ dụng thân cũng vậy, do y chỉ nghiệp không khác nên phải biết là không sai biệt. Không do y chỉ sai biệt nên không sai biệt, vì vô lượng y chỉ chuyển y. Nên biết ứng hóa thân như thụ dụng thân.

Pháp thân này tương ưng với bao nhiêu công đức ?

Tương ưng với 4 vô lượng cực kỳ thanh tịnh, với 8 giải thoát, 8 chế, 8 thập nhất thiết nhập, vô

tránh Tam-ma-đề, nguyện, trí, 4 vô ngại giải, 6 thông tuệ, 32 tướng của đại nhân, 80 tiểu tướng, 4 thứ nhất thiết tướng thanh tịnh, 10 lực, 4 vô úy, 4 vô hộ, 3 niệm xứ, nhổ trừ tập khí, pháp không quên mất, đại bi, 18 pháp không chung, các pháp tương ưng tất cả tướng tối thắng trí v.v... Ở đây có bài kệ như sau :

*Đại bi với chúng sinh,  
Lìa các ý trói buộc.  
Ý không lìa chúng sinh,  
Kính lễ ý lợi lạc.  
Giải thoát tất cả chướng,  
Hàng phục người thế trí.  
Trí tuệ biến mãn khắp,  
Kính lễ tâm giải thoát.  
Các chúng sinh không sót,  
Diệt trừ hết hoặc chướng.  
Hại, hoặc có nhiễm ô,  
Kính lễ thường xót thương.  
Không dụng công, không chấp,  
Không ngại, thường vắng lặng.  
Chúng sinh có vấn nạn,  
Kính lễ vì giải thích.  
Năng y và sở y,*

*Ngôn ngữ và trí tuệ,  
Giảng giải không trở ngại,  
Kính lễ đáng đạo sư.  
Tùy ngôn ngữ âm thanh,  
Đi về rồi xuất ly.  
Chúng biết các chúng sinh,  
Kính lễ bậc giáo hóa.  
Các chúng sinh tôn trọng,  
Tin kính Vô thượng sĩ.  
Do thấy được năng sinh,  
Kính lễ tâm thanh tịnh.  
Tiếp thụ, giữ và bỏ,  
Biến hóa và thay đổi.  
Được định trí tự tại,  
Kính lễ đáng Thế Tôn.  
Phương tiện, quy y, tịnh,  
Trong các chúng sinh chương.  
Pháp Đại thừa xuất ly,  
Kính lễ đáng phá ma.  
Trí diệt và xuất ly,  
Nói rõ các chương sự.  
Mình người đều được lợi,  
Kính lễ đáng phá tà.  
Không cảm không lỗi lầm,*

*Không ô nhiễm không trụ.  
Vời các pháp, không động,  
Kính lễ không hý luận.  
Giảng thuyết điều phục chúng,  
Xa lìa hai hoặc chướng.  
Không giữ không quên mất,  
Kính lễ đáng nhiếp hóa.  
Vì sự nghiệp lợi tha,  
Thế Tôn không chờ thời.  
Việc làm không trống rỗng,  
Kính lễ đáng không mê.  
Trong tất cả cử động,  
Đều tròn đủ trí tuệ.  
Biến khắp cả ba đời,  
Kính lễ đáng thật thể.  
Ngày đêm sáu thời quán,  
Chúng sinh trong các cõi.  
Tương ưng tâm đại bi,  
Kính lễ đáng lợi lạc.  
Do tu và do chứng,  
Do trí và do nghiệp,  
Hơn tất cả Nhị thừa,  
Kính lễ đáng cao tốt.  
Ba thân rất tôn quý,*

*Đủ tướng Vô thượng giác.  
Tất cả pháp nếu nghi,  
Kính lễ đáng năng trừ.  
Không buộc, không lồi lõm,  
Không thô trược, không trụ,  
Đối các pháp không động,  
Kính lễ không hý luận.*

Pháp thân chư Phật không phải chỉ thường xuyên tương ứng với các công đức này mà còn tương ứng với các công đức khác như tự tính, nhân quả, nghiệp, hành sự. Cho nên phải biết pháp thân chư Phật có công đức vô thượng. Ở đây có bài kệ như sau :

*Phật thành tựu chân như,  
Tu vượt khỏi các địa.  
Đến địa vị vô đẳng,  
Giải thoát các chúng sinh.  
Công đức là vô tận,  
Tương ứng hiện thế gian.  
Nơi tam luận dễ hiện,  
Trời người chẳng ai bằng.*

Lại nữa pháp thân Như Lai là rất sâu xa, cực kỳ sâu xa. Làm sao thấy được chỗ sâu xa này ? Ở đây có bài kệ như sau :

*Phật không sinh mà sinh,  
Bởi không trụ mà trụ.  
Việc làm không dụng công,  
Thụ thực : pháp thứ tư.  
Không khác, khác vô lượng,  
Vô số cũng là một.  
Nghịệp rất chắc, không chắc,  
Vô thượng ứng ba thân.  
Không một pháp hiệu được,  
Không pháp nào không hiệu.  
Mỗi một niệm vô lượng,  
Hiện hiện có không có.  
Không dục, không lìa dục,  
Y dục được xuất ly.  
Biết dục là không dục,  
Ngộ nhập dục như pháp.  
Chư Phật vượt năm uẩn,  
Mà trụ trong năm uẩn.  
Uẩn chẳng một chẳng khác,  
Không xả uẩn Niết-bàn.  
Chư Phật sự tướng hòa,  
Như nước trong biển lớn.  
Việc ta đã nên làm,  
Thì không nghĩ chuyện khác.*

*Thế Tôn không xuất hiện,  
Như bình vỡ không trăng.  
Phổ biến khắp thế gian,  
Pháp sáng như mặt trời.  
Hoặc hiện Đẳng chính giác,  
Hoặc như lửa Niết-bàn.  
Hai pháp thật chẳng có,  
Vì chư Phật thường trú.  
Như Lai đối việc ác,  
Trong nhân loại, nẻo ác,  
Đối pháp phi phạm hạnh,  
Trụ tự thể tối thắng.  
Phật hiện hành khắp nơi,  
Không hiện hành nơi nào.  
Hiện tất cả loài sinh,  
Không cảnh giới sáu căn.  
Các hoặc đã diệt hết,  
Như bị các chú độc.  
Từ hoặc đến hết hoặc,  
Phật chứng nhất thiết trí.  
Biến hoặc thành giác phân,  
Sinh tử là Niết-bàn.  
Được thành phương tiện lớn,  
Nên Phật khó nghĩ bàn.*

Do nghĩa này nên biết có 12 sự sâu xa, tức là sự sâu xa về sinh, không trụ, nghiệp trụ, về an lập số nghiệp, về chính giác, về ly dục, về uẩn diệt, về thành thực, về hiển hiện, về Bồ-đề Bát-niết-bàn hiển hiện, về trụ, về hiển tự thể, về diệt hoặc, về không thể nghĩ bàn.

Các Bồ-tát duyên pháp thân, nghĩ nhớ đến Phật. Sự nghĩ nhớ này duyên bao nhiêu tướng ?

Nếu lược nói về Bồ-tát y pháp thân, tu tập niệm Phật, có 7 tướng. Những gì là bảy ? Một là chư Phật hoàn toàn tự tại trong tất cả pháp, nên tu tập như vậy. Chư Phật có 6 trí thông vô biên vô ngại trong tất cả thế giới. Cho nên ở đây có bài kệ như sau :

*Đủ chướng nhân không đủ,  
Tất cả cõi chúng sinh.  
Trụ trong hai thứ định,  
Chư Phật không tự tại.*

Hai là thân Như Lai thường trú, do chân như giải thoát tất cả cấu uế không gián đoạn.

Ba là Như Lai rất mực không tội lỗi, vì vĩnh viễn lìa xa tất cả hoặc chướng và trí chướng.

Bốn là việc làm của Như Lai là vô công dụng, vì thường do không khởi dụng công mà việc làm không bao giờ bỏ.

Năm là Như Lai ở địa vị rất phong phú an lạc, vì đó là tất cả cõi Phật rất mực thanh tịnh vi diệu.

Sáu là Như Lai rất mực không nhiễm trước, xuất hiện thế gian không bị tất cả pháp thế gian làm ô nhiễm. Như bụi trần không thể làm nhiễm hư không.

Bảy là Như Lai có sự nghiệp lớn trong thế gian, do hiện thành vô thượng Bồ-đề và Đại Bát-niết-bàn, chúng sinh chưa thành thực thì khiến cho thành thực, chúng sinh đã thành thực thì khiến được giải thoát. Ở đây có bài kệ như sau :

*Tùy thuộc tâm Như Lai,  
Viên đức thường không mất.  
Thường làm vô công dụng,  
Vui đại pháp cho đời.  
Biến khắp không trở ngại,  
Bình đẳng lợi nhiều người.  
Tất cả tất cả Phật,  
Người trí nghĩ như vậy.*

Lại nữa cái tướng thanh tịnh của Tịnh độ của chư Phật Như Lai như thế nào ?

Như trong Kinh Hoa Nghiêm có nói về duyên khởi Bồ-tát tạng. Phật Thế Tôn ở cung điện 7 báu trang nghiêm rực rỡ sáng chói khắp nơi, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô lượng thế giới, vô lượng cõi trang sức vi diệu, mỗi mỗi đều thành lập những khu vực rộng lớn không ước lượng đến đâu là biên giới, vượt quá ba cõi nơi được tạo thành bởi thiện pháp xuất thế gian, công năng sinh ra thanh tịnh tự tại cùng cực của duy thức làm tướng. Đó là nơi Như Lai đặt làm trụ xứ an lạc cho Bồ-tát. Là nơi có vô lượng rồng trời, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người, phi nhân v.v... hành trì hỷ lạc đại pháp vị. Là nơi có diệu dụng lợi ích tất cả chúng sinh, nơi xa lìa tất cả phiền não tai ương, nơi không không có tất cả các ma hoành hành, nơi trang nghiêm hơn tất cả, nơi sở y trang nghiêm của Như Lai, nơi lấy đại niệm, đại tuệ, đại hạnh làm xuất ly, nơi lấy đại Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na làm thừa giáo, nơi vào cửa ngõ đại không, vô tướng, vô nguyện, giải thoát, nơi được trang nghiêm bằng nhóm hợp vô lượng công đức, nơi y chỉ của

Đại liên hoa vương, nơi Như Lai ở trong lầu gác báu lớn. Đó là nơi nói lên sắc tướng và hình mạo viên mãn thanh tịnh của Tịnh độ này. Nhân quả, chủ trợ, quyến thuộc, trì nghiệp, lợi ích, vô bố úy, trụ xứ, lộ, thừa, môn, y chỉ, viên tịnh, những câu văn trên như thế đều hiển hiện sự viên tịnh.

Lại nữa thụ dụng Tịnh độ thanh tịnh như thế, hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn an vui, hoàn toàn không sai lầm, hoàn toàn tự tại.

Lại nữa pháp giới chư Phật thường xuyên có 5 nghiệp :

Một là cứu vượt tai họa làm nghiệp, do chỉ hiện có thể diệt trừ các tai họa như đui, điếc, điên dại v.v...

Hai là cứu vớt đường dữ làm nghiệp. Nghĩa là cứu vớt ra khỏi chỗ hung dữ đưa đến nơi hiền lành.

Ba là cứu vớt những hành vi phi phương tiện làm nghiệp. Đó là các hành vi sai trái của của ngoại đạo, hàng phục họ đưa họ về với chính giáo của Phật.

Bốn là cứu vớt các kiến chấp về thân làm nghiệp. Nghĩa là trao cho phương tiện thấy rõ Thánh đạo siêu thoát ba cõi.

Năm là cứu vớt bằng thừa giáo làm nghiệp.  
Nghĩa là như Bồ-tát có ý muốn nghiêng về một  
thừa khác, hay Thanh Văn chưa quyết định căn  
tính, thì an lập họ vào con đường tu hạnh Đại  
thừa.

Phải biết 5 năm nghiệp này chư Phật Như Lai  
đều đồng thực hiện như nhau. Ở đây có bài kệ như  
sau :

*Nhân theo sự, ý và các hạnh,  
Thế gian khác nên nghiệp cũng khác.  
Năm nghiệp này chư Phật không khác,  
Cho nên đời gọi đồng một nghiệp.*

Nếu vậy Thanh Văn, Độc Giác không được  
các đức tướng này tương ứng với pháp thân chư  
Phật, vậy vì ý gì chư Phật nói về Nhất thừa ?

Ý nói chư vị kia đều hướng đến Nhất thừa tức  
đồng với Phật thừa. Ở đây có bài kệ như sau :

*Thanh Văn chưa định tính,  
Và các Bồ-tát khác,  
Dắt dẫn vào Đại thừa,  
Định tính, nói Nhất thừa.  
Pháp vô ngã giải thoát,  
Đồng đẳng, tính không đồng.  
Đắc hai ý Niết-bàn,*

*Cứu cánh nói Nhất thừa.*

Nếu ba đời chư Phật đồng một pháp thân, sao số không như nhau ? Ở đây có bài kệ như sau :

*Trong một thế giới không có hai,  
Đồng thời, nhân đó không thể lường.  
Lần lượt thành Phật thì phi lý,  
Vì vậy đồng thời có nhiều Phật.*

Thế nào là pháp thân chư Phật chẳng phải hoàn toàn rốt ráo Niết-bàn, cũng chẳng phải chẳng hoàn toàn rốt ráo Niết-bàn ? Ở đây có bài kệ như sau :

*Do lìa tất cả chương,  
Vì việc làm chưa xong,  
Phật rốt ráo Niết-bàn,  
Khác thì không rốt ráo.*

Vì sao thụ dụng thân không phải chính là tự tính thân ?

Vì có 6 nguyên nhân : 1. Do sắc thân và thân hiện hành trông thấy. 2. Do thị hiện trong vô lượng đại tập hội khác nhau. 3. Do tùy ý kia muốn được trông thấy mà thị hiện, vì tự tính chúng không đồng nhau. 4. Do tự tính biến động nên trông thấy khác nhau. 5. Trong các đại tập hội gồm Bồ-tát, Thanh Văn, chư thiên v.v..nhiều

tướng khác nhau hợp lại, nên hiển hiện tướng khác nhau. 6. Do A-lê-da thức và các sinh khởi thức thấy chuyển y là phi lý, nên thụ dụng thân mà thành tự tính thân cũng phi lý.

Vì sao biến hóa thân không là tự tính thân ?

Vì 8 nguyên nhân : 1. Chư Bồ-tát từ xa xưa đã được Tam-ma-đề không thoái chuyển nên thụ sinh nơi trời Đâu-suất-đà và sinh trong cõi người thì không đúng lý. 2. Các Bồ-tát từ xa xưa hằng nhớ đời trước, vậy vẫn chương tính toán kỹ nghệ v.v...cũng như hành trần dục, hưởng thụ trần dục mà Bồ-tát không biết là không đúng lý. 3. Các Bồ-tát từ xa xưa đến nay đã phân biệt hiểu biết tà giáo chính giáo mà còn đến theo học ngoại đạo là không đúng lý. 4. Các Bồ-tát từ xa xưa đến nay đã thông suốt chính lý Thánh đạo ba thừa mà vì khổ hạnh cầu đạo là không đúng lý. 5. Các Bồ-tát bỏ năm trăm câu-chi Diêm-phù-đề , mà chỉ ở một chỗ được vô thượng Bồ-đề và chuyển pháp luân là không hợp lý. 6. Nếu tách rời phương tiện hiển thị vô thượng Bồ-đề, chỉ dùng hóa thân làm Phật sự ở phương khác, vậy thì nên thành chính giác trên trời Đâu-suất-đà. 7. Nếu không như vậy thì tại sao Phật không xuất hiện bình đẳng trong tất

cả Diêm-phù-đề ? Nếu không xuất hiện nơi phương khác thì không có A-hàm hay đạo lý nào có thể chứng minh nghĩa này. 8. Hai Như Lai cùng xuất hiện trong một thế giới, đây cũng không trái, bởi nếu chấp nhận hóa thân thì sẽ thành nhiều. Do 4 thiên hạ gồm một thế giới, như Chuyển luân vương trong một thế giới hoặc một chủ, hoặc có chủ khác cùng sinh là không đúng lý. Chư Phật cũng vậy. Ở đây có bài kệ nói như sau :

*Phật vi tế hóa thân,  
Đa nhập thai bình đẳng.  
Vi hiện đủ tướng giác,  
Thị hiện nơi thế gian.*

Có 6 thứ nhân, chư Thế Tôn không được vĩnh viễn trụ trong hóa thân : 1. Vì chính sự cứu cánh, bởi đã giải thoát thành thực chúng sinh. 2. Nếu đã được giải thoát cầu Bát-niết-bàn, vì khiến kia bỏ ý tưởng Bát-niết-bàn muốn cầu được Phật thân thường trú. 3. Vì trừ tâm khinh mạn của người kia đối với Phật, vì khiến kia thông suốt pháp chân như sâu xa và chính thuyết pháp. 4. Vì khiến chúng sinh đối với Phật thân khởi tâm khát vọng chiêm ngưỡng mãi không chán. 5. Vì khiến kia

hướng về chính mình khởi cực tinh tiến, vì biết chính thuyết là không thể được. 6. Vì khiến kia sớm được địa vị thành thực, hướng về chính mình rất mực tinh tiến không bỏ gánh nặng. Ở đây có bài kệ như sau :

*Do chính sự cứu cánh,  
Vì trừ vui Niết-bàn,  
Khiến không khinh mạn Phật,  
Phát khởi tâm khát vọng,  
Hướng về mình tinh tiến,  
Và vì mau thành thực,  
Đôi chư Phật hóa thân,  
Không rớt ráo thường trú.*

Vì độ tất cả chúng sinh do phát nguyện và tu hành tìm cầu vô thượng Bồ-đề, rớt ráo Niết-bàn, điều này không đúng lý, vì bản nguyện và tu hành trái nhau không có quả.

Lại nữa, thụ dụng thân và biến hóa thân là vô thường, sao chư Phật lấy thường trú làm pháp thân ?

Do ứng thân và hóa thân hằng y chỉ vào pháp thân. Do ứng thân không lìa bỏ. Do hóa thân thường hiện khởi, như thường thụ lạc, thường thi thực. Phải biết thường trú của hai thân là như vậy.

Nếu pháp thân thời vô thủy không sai biệt, không số lượng, thì để được pháp thân không nên không dụng công. Ở đây có bài kệ như sau :

*Chư Phật chứng đắc nhiều vô lượng.*

*Do chúng sinh. Nếu bỏ siêng năng*

*Vĩnh viễn không thành nhân chứng đắc.*

*Đoạn trừ chính nhân là phi lý.*

Tên Nhiếp Đại Thừa là trong Kinh A-tì-đạt-ma, Đại thừa tạng, giải thích xong./.

Luận Nhiếp Đại Thừa Quyển hạ  
( Hết )